

## LỜI MỞ ĐẦU

### ➤ *Tính cấp thiết của đề tài*

Hòa nhập cùng sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp đã và đang nỗ lực để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của mình thông qua các chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh. Khi phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại một doanh nghiệp xây lắp, thì tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng. Để có được những số liệu phản ánh chính xác không thể không nhắc tới vai trò to lớn của hạch toán kế toán. Việc tổ chức kế toán đúng, hợp lý, chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm, trong việc kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất nói riêng. Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành cung cấp, nhà quản lý doanh nghiệp biết được chi phí và giá thành thực tế của từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác trong doanh nghiệp. Qua đó nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn có hiệu quả, để từ đó đề ra các quyết định phù hợp với sự phát triển và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Việc phân tích đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh chỉ có thể dựa trên giá thành sản phẩm chính xác. Về phần mình, tính chính xác của giá thành sản phẩm lại chịu ảnh hưởng của kết quả tập hợp chi phí sản xuất. Do vậy tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để đảm bảo xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành trong giá thành, xác định đúng lượng giá trị các yếu tố chi phí đã dịch chuyển vào sản phẩm hoàn thành là yêu cầu cấp bách và ngày càng phải hoàn thiện đổi mới công tác đó là rất cần thiết đối với doanh nghiệp.

Nhận thức rõ được điều này, em đã chọn nghiên cứu đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng***”.

Em hy vọng rằng qua thời gian nghiên cứu em có dịp tiếp cận thực tế tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong doanh nghiệp, cụ thể là doanh nghiệp xây lắp. Để em có thể hiểu rõ hơn, trau dồi và bổ sung thêm kiến thức đã được học tập tại trường. Đồng thời trên cơ sở đó rút ra những ưu điểm, tồn tại nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

➤ ***Mục đích nghiên cứu của đề tài***

- Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp.

- Nắm bắt được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.

- Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.

➤ ***Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài***

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: Khóa luận trình bày kết quả nghiên cứu về đối tượng nêu trên trong phạm vi một doanh nghiệp cụ thể, đó là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.

➤ ***Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài***

- Đề tài góp phần làm rõ, cụ thể hơn lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài để nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng

Bạch Đằng. Kết quả này còn có thể được ứng dụng trong các doanh nghiệp có đặc điểm tương tự với đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

➤ ***Kết cấu của khóa luận***

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu khóa luận bao gồm 3 chương:

***Chương I: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng.***

***Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.***

***Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.***

Do kiến thức và trình độ bản thân còn hạn chế nên luận văn của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán công ty để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo ***Ths. Nguyễn Văn Thụ*** và các cô chú, anh chị phòng kế toán Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG I:**

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP  
HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP  
TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG**

**1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ  
SẢN PHẨM XÂY LẮP.**

**1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng tiềm lực kinh tế quốc phòng cho đất nước. Góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Đầu tư xây dựng cơ bản là một khâu không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, loại hình doanh nghiệp nào. Trong giá trị sản phẩm của các ngành, chi phí xây dựng chiếm một tỷ trọng nhất định nên hoạt động của ngành xây dựng cơ bản có ảnh hưởng đến hạ giá thành và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với một số ngành sản xuất kinh doanh khác và gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do vậy sự phát triển của hoạt động xây dựng cơ bản sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất khác, đồng thời cũng thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

**1.1.1.1.Đặc điểm của sản phẩm xây lắp**

Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc có đủ điều kiện đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng. Sản phẩm xây lắp mang đặc điểm là quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian xây dựng lắp đặt dài. Đặc điểm này làm cho việc tổ chức quản lý và hạch toán chi phí sản phẩm xây lắp phải có các dự toán( dự toán thiết kế, dự toán thi công).

Sản phẩm xây lắp tại nơi sản xuất do đó các điều kiện sản xuất: vật liệu, lao

động, máy móc thi công phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm công trình. Do vậy công tác quản lý, sử dụng, hạch toán vật tư, tài sản cũng trở nên phức tạp.

Quá trình từ khi khởi công công trình cho tới khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường là dài, nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại bao gồm nhiều công việc khác nhau. Các công việc chủ yếu được thực hiện ở ngoài trời nên nó chịu nhiều ảnh hưởng lớn của điều kiện thiên nhiên, thời tiết làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình vì vậy quá trình tập hợp chi phí sản xuất kéo dài, phát sinh nhiều chi phí ngoài dự toán, chi phí không ổn định và phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công.

Sản phẩm xây lắp rất đa dạng nhưng mang tính chất đơn chiếc. Mỗi công trình được tiến hành thi công theo đơn đặt hàng cụ thể, phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng và theo thiết kế kỹ thuật của công trình đó. Khi thực hiện các đơn vị xây lắp phải bàn giao đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình.

Sản phẩm xây lắp có thời gian sử dụng lâu dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa, phải phá đi làm lại. Sai lầm trong xây dựng cơ bản vừa gây lãng phí, vừa để lại hậu quả rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục. Do vậy đòi hỏi chất lượng công trình phải đảm bảo và có tính thẩm mỹ cao. Do đặc điểm này mà trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư từ khi ký kết hợp đồng, do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ và lợi nhuận trong doanh nghiệp xây lắp chủ yếu phụ thuộc vào việc tiết kiệm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

#### **1.1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Do sản phẩm có tính đơn chiếc và được sản xuất theo đơn đặt hàng, nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình. Việc

tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

Hoạt động xây lắp được diễn ra với tính chất công việc không ổn định, luôn biến động theo địa điểm công trình và điều kiện thi công. Do vậy, phải luôn thay đổi lựa chọn phương án thi công thích hợp để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình xây lắp. Vì thế có thể phát sinh thêm chi phí nên cần hạch toán chính xác.

Quá trình sản xuất diễn ra trên phạm vi lớn với số lượng công nhân và vật liệu lớn đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải được sắp xếp hợp lý, có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các bộ phận, các giai đoạn công việc. Khi công trình xây dựng cơ bản hoàn thành công nhân phải chuyển đến thi công ở một công trình khác. Do đó sẽ phát sinh các chi phí như điều động công nhân, máy móc thi công, chi phí về xây dựng các công trình tạm thời cho công nhân và cho máy móc thi công. Vì thế mà các đơn vị xây lắp thường sử dụng lực lượng lao động thuê ngoài tại chỗ nơi thi công công trường để giảm bớt chi phí di dời.

Như vậy, những điểm trên đã phần nào ảnh hưởng và chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp từ đó dẫn đến những khác biệt trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

### **1.1.2. Vai trò và nhiệm vụ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp.**

#### **1.1.2.1. Vai trò kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp.**

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý kinh tế - tài chính đã khẳng định vai trò, vị trí của kế toán trong quản lý doanh nghiệp. Bằng những số liệu cụ thể, chính xác, khách quan và khoa học, kế toán được coi là một công cụ để điều hành, quản lý các hoạt động, tính toán hiệu quả kinh tế và kiểm tra bảo vệ, sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong kinh doanh và tự chủ về tài chính. Trong đó vai trò của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cũng không kém phần quan trọng.

Thông qua số liệu hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm do bộ phận kế toán cung cấp, các nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp biết được chi

phí và giá thành thực tế từng công trình, hạng mục công trình, để phân tích và đánh giá tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí, tình hình sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, tiết kiệm hay lãng phí, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, để từ đó đề ra các biện pháp hữu hiệu nhằm hạ thấp chi phí và giá thành xây lắp đồng thời đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.

### **1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.**

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí để xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn.

- Xác định chính xác chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Thực hiện tính giá thành sản phẩm kịp thời, chính xác theo đúng đối tượng tính giá thành và phương pháp tính giá thành hợp lý.

- Định kỳ, cung cấp các báo cáo về tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí, tình hình thực hiện kế hoạch, giá thành, đề xuất các kiến nghị cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra các quyết định thích hợp, trước mắt cũng như lâu dài đối với sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

## **1.2. CHI PHÍ XÂY LẮP VÀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHI PHÍ XÂY LẮP VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.**

### **1.2.1. Chi phí xây lắp**

#### **1.2.1.1. Khái niệm**

Chi phí sản xuất là tổng số các hao phí lao động sống và lao động vật hóa được biểu hiện bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây lắp bao gồm chi phí sản xuất xây

lắp và chi phí sản xuất ngoài xây lắp. Các chi phí sản xuất xây lắp cấu thành giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí sản xuất xây lắp là toàn bộ các chi phí sản xuất phát sinh trong lĩnh vực hoạt động sản xuất xây lắp, nó là bộ phận cơ bản để hình thành giá thành sản phẩm xây lắp.

### **1.2.1.2. Bản chất và nội dung của chi phí xây lắp.**

Chi phí xây lắp chính là thước đo giá trị (bằng tiền) của tất cả các yếu tố đầu vào để cấu tạo nên sản phẩm xây lắp. Đó là những phí tổn về lao động, vật tư, tiền vốn. Từ đó ta thấy được các chi phí khác với chi tiêu và cũng khác với vốn. Chi phí phát sinh trong quá trình xây lắp và được bù đắp bằng thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh; chi tiêu là việc dùng tiền để chi cho các hoạt động ngoài sản xuất kinh doanh, có thể lấy từ các quỹ trong doanh nghiệp và không được bù đắp. Còn vốn là biểu hiện bằng tiền của tất cả các tài sản được sử dụng vào hoạt động xây lắp với mục đích sinh lời nhưng không phải đều là phí tổn.

### **1.2.1.3. Phân loại chi phí xây lắp**

Chi phí xây lắp gồm nhiều loại có công dụng và mục đích khác nhau trong quá trình xây dựng của doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp xây lắp chi phí được phân thành các loại sau:

**Theo yếu tố chi phí:** Căn cứ vào nội dung kinh tế của chi phí để sắp xếp những chi phí có nội dung kinh tế ban đầu giống nhau vào cùng một nhóm chi phí. Cách phân biệt này không phân biệt nơi chi phí phát sinh và mục đích sử dụng của chi phí. Mục đích của cách phân loại này để biết được chi phí sản xuất của doanh nghiệp gồm những loại nào, số lượng, giá trị từng loại chi phí là bao nhiêu.

- *Chi phí nguyên vật liệu:* gồm toàn bộ giá trị các loại nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu, thiết bị xây dựng cơ bản... mà doanh nghiệp đã thực sự sử dụng cho hoạt động xây lắp.

- *Chi phí nhân công:* là toàn bộ số tiền lương, tiền công phải trả, tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân viên chức trong doanh nghiệp.

- *Chi phí khấu hao TSCĐ:* là toàn bộ giá trị khấu hao phải trích của các



TSCĐ sử dụng trong doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả về các dịch vụ mua từ bên ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Chi phí bằng tiền khác*: Gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp ngoài các yếu tố chi phí trên, như chi phí tiếp khách, hội họp...

**Theo khoản mục chi phí**: Cách phân loại này dựa trên công dụng của chi phí trong quá trình xây lắp và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành theo khoản mục chi phí. Mục đích của phân loại này nhằm tìm ra các nguyên nhân làm thay đổi giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: là giá trị thực tế của các nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản phẩm xây lắp.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: bao gồm các khoản tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Các khoản phụ cấp lương như tiền ăn ca, tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài cũng được hạch toán vào khoản mục này.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: bao gồm các chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời khi sử dụng máy thi công.

- *Chi phí sản xuất chung*: bao gồm các chi phí phát sinh ở đội, bộ phận sản xuất ngoài các chi phí trực tiếp như:

+ Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản tính theo lương của nhân viên quản lý đội ( bộ phận sản xuất); công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công.

+ Chi phí vật liệu: gồm giá trị vật liệu dùng để sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ, các công cụ dụng cụ ở đội xây lắp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở đội xây lắp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại sử dụng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp.

*Theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm sản xuất*

- *Chi phí cố định:* là những chi phí mang tính tương đối ổn định không phụ thuộc vào số lượng sản phẩm sản xuất trong một mức sản lượng nhất định. Khi sản lượng tăng thì mức chi phí tính trên một sản phẩm có xu hướng giảm.

- *Chi phí biến đổi:* là những chi phí thay đổi phụ thuộc vào số lượng sản phẩm. Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công... thuộc chi phí biến đổi. Dù sản lượng sản phẩm thay đổi nhưng chi phí biến đổi cho một sản phẩm mang tính ổn định.

Cách phân loại này có vai trò quan trọng trong phân tích điểm hòa vốn phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

## **1.2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp**

### **1.2.2.1. Khái niệm và bản chất giá thành sản phẩm xây lắp**

**Khái niệm:** Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giao lại công việc có thiết kế và dự toán riêng, có thể là công trình hay hạng mục công trình.

Giá thành của công trình hay hạng mục công trình là giá thành cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

**Bản chất:** Giá thành chính là thước đo cuối cùng của tất cả các chi phí cấu thành nên sản phẩm. Chỉ tiêu giá thành thể hiện kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, kết quả của việc sử dụng yếu tố đầu vào để sản xuất sản phẩm, để từ đó nhà quản lý lựa chọn các phương án sao cho tối ưu nhất.

### **1.2.2.2. Phân loại giá thành**

Trong doanh nghiệp xây lắp giá thành gồm nhiều loại được chia theo các tiêu thức khác nhau. Tuy nhiên, do đặc thù riêng của ngành xây dựng cơ bản thì giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại sau:

*Giá thành dự toán:* Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp công trình. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức, quy định của Nhà nước và khung giá áp dụng cho từng vùng lãnh thổ.

***Giá thành dự toán = Giá trị dự toán – Lợi nhuận định mức***

Lãi định mức là số % trên giá thành xây lắp do Nhà nước quy đổi với từng loại hình xây lắp, từng sản phẩm xây lắp cụ thể.

***Giá thành kế hoạch:*** Là giá thành được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở một doanh nghiệp xây dựng nhất định trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức và đơn giá áp dụng trong doanh nghiệp.

***Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán – Mức hạ giá thành***

***Giá thành thực tế:*** Phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá thành thực tế bao gồm chi phí theo định mức, vượt định mức và không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bồi chi, lãng phí về vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình xây lắp và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành. Giá thành thực tế xác định theo số liệu kế toán.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động thi công của công tác xây lắp đòi hỏi chúng ta phải so sánh các loại giá thành trên với nhau. Việc so sánh các loại giá thành này phải đảm bảo sự thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng đối tượng tính giá thành (từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao). Mục đích cuối cùng của doanh nghiệp là lợi nhuận, để đạt được mục đích đó doanh nghiệp xây dựng phải luôn đảm bảo:

***Giá thành dự toán  $\geq$  Giá thành kế hoạch  $\geq$  Giá thành thực tế.***

### **1.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí xây lắp và giá thành sản phẩm xây lắp.**

Chi phí và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau. Khi tiến hành hoạt động xây lắp, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí về vật tư, lao động, máy móc, thiết bị và các chi phí khác. Tất cả các yếu tố đó tập hợp lại được gọi là chi phí xây lắp. Sau một thời gian nhất định, các yếu tố đó tạo thành một sản phẩm xây lắp hoàn chỉnh. Kết quả của một quá trình sử dụng các yếu tố sản xuất thể hiện ở chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Do vậy cả chi phí và giá thành sản phẩm là hai mặt thống nhất của một quá trình, quá trình hoàn thành sản phẩm. Chúng bao gồm các chi phí về lao động sống và lao động vật hóa kết tinh trong sản

phẩm. Tuy nhiên, giữa chi phí và giá thành sản phẩm có sự khác nhau về quy mô giá trị, phạm vi tập hợp...Điều này được thể hiện:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Chi phí xây} & & \text{Chi phí xây} & & \text{Chi phí xây} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{lắp dở dang} & + & \text{lắp phát sinh} & - & \text{lắp dở dang} \\ \text{xây lắp} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Khi giá trị sản phẩm xây lắp dở dang(chi phí xây lắp dở dang) đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc khi không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

### **1.3. CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.**

#### **1.3.1. Nguyên tắc hạch toán chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.**

Trước hết các doanh nghiệp cần xác định rõ đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí, phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm của đơn vị và phải thực hiện đúng theo chế độ.

Cụ thể là phải xác định nội dung và phạm vi của chi phí xây lắp và giá thành của các công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Khác với các doanh nghiệp công nghiệp khác, chi phí nhân công trực tiếp trong các doanh nghiệp xây dựng cơ bản không bao gồm các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ). Chi phí xây lắp không bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, tuy thực chất chi phí quản lý cũng là để phục vụ cho quá trình thi công và hoàn thành bàn giao công trình cho chủ đầu tư. Những khoản chi phí như: chi phí đầu tư, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường cũng không được tính vào chi phí xây lắp và giá thành sản phẩm. Những chi phí liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì phải tiến hành phân bổ cho từng kỳ theo tiêu thức hợp lý. Khi phát sinh, trước hết chi phí sản xuất được biểu hiện theo yếu tố chi phí rồi mới được biểu hiện thành các khoản mục giá thành sản phẩm. Chi phí phải được ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh dựa trên cơ sở là các hóa đơn, chứng từ, phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. Chi phí phát sinh ở công trình hay hạng mục công trình nào thì được tập hợp vào công trình hay hạng mục công trình đó.

Hiện nay, Nhà nước ta quản lý rất chặt chẽ về chi phí, giá thành sản phẩm xây lắp thông qua các quy định cụ thể về việc lập dự toán xây lắp. Điều này giúp cho các doanh nghiệp thực hiện đúng chế độ hơn. Tuy nhiên các doanh nghiệp cũng cần phải nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình thông qua việc tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình phát sinh và hạch toán chi phí để tiết kiệm được chi phí và hạ giá thành sản phẩm đồng thời đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của sản phẩm xây lắp.

### **1.3.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản phẩm xây lắp.**

Đối tượng tập hợp chi phí sản phẩm xây lắp là phạm quy, giới hạn mà chi phí xây lắp cần tập hợp theo đó. Đối tượng tập hợp chi phí xây lắp có thể là nơi phát sinh chi phí như đội sản xuất xây lắp hoặc chịu chi phí như công trình hay hạng mục công trình xây lắp.

Để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí và cung cấp số liệu để tính giá thành sản phẩm xây lắp cần phải căn cứ vào:

- Công dụng của chi phí
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp
- Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất trong từng doanh nghiệp
- Đối tượng tính giá thành trong từng doanh nghiệp
- Trình độ các nhà quản lý doanh nghiệp và trình độ các cán bộ kế toán trong doanh nghiệp

Đối với các doanh nghiệp xây lắp do đặc điểm của sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc, đặc trưng kỹ thuật thi công, tổ chức sản xuất phức tạp, quá trình thi công chia thành nhiều giai đoạn nên đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng.

### **1.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất**

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là hệ thống các phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối

tượng hạch toán chi phí.

Doanh nghiệp xây lắp chủ yếu có ba phương pháp kế toán chi phí sản xuất sau:

- Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình: phương pháp này được áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí là công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh cho công trình nào được tập hợp và phân bổ cho công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Phương pháp kế toán theo đơn đặt hàng: các chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng nào được tập hợp và phân bổ theo đơn đặt hàng đó. Tổng chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp kế toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành: toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp cho đối tượng chịu chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công việc xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công việc xây lắp đó.

#### **1.3.4. Tổ chức quá trình kế toán tập hợp chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.**

##### **1.3.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp bao gồm giá thực tế toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp từng công trình, hạng mục công trình. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn bao gồm cả các chi phí cốt pha, dàn giáo, công cụ, dụng cụ được sử dụng nhiều lần.

Việc tập hợp chi phí sản xuất nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất ( công trình, hạng mục công trình). Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì phải tính trực tiếp cho công trình đó.

Phương pháp gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng cần phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

***Chứng từ kế toán về nguyên vật liệu gồm có:***

Phiếu nhập vật tư (Mẫu số 01- VT)

Phiếu xuất kho vật tư (Mẫu số 02-VT)

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03-VT)

Biên bản kiểm tra vật tư (Mẫu số 08-VT)

Hoá đơn giá trị gia tăng (cơ quan thuế phát hành)

Hoá đơn cước phí vận chuyển (Mẫu số 03-VT)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn.

***Tài khoản sử dụng:***

TK 621- Chi phí vật liệu trực tiếp (TK mở chi tiết cho từng đối tượng)

Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp.

Bên Có:

+ Phản ánh trị giá nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho

+ Kết chuyển phân bổ giá trị nguyên vật liệu thực tế sử dụng trong kỳ vào TK

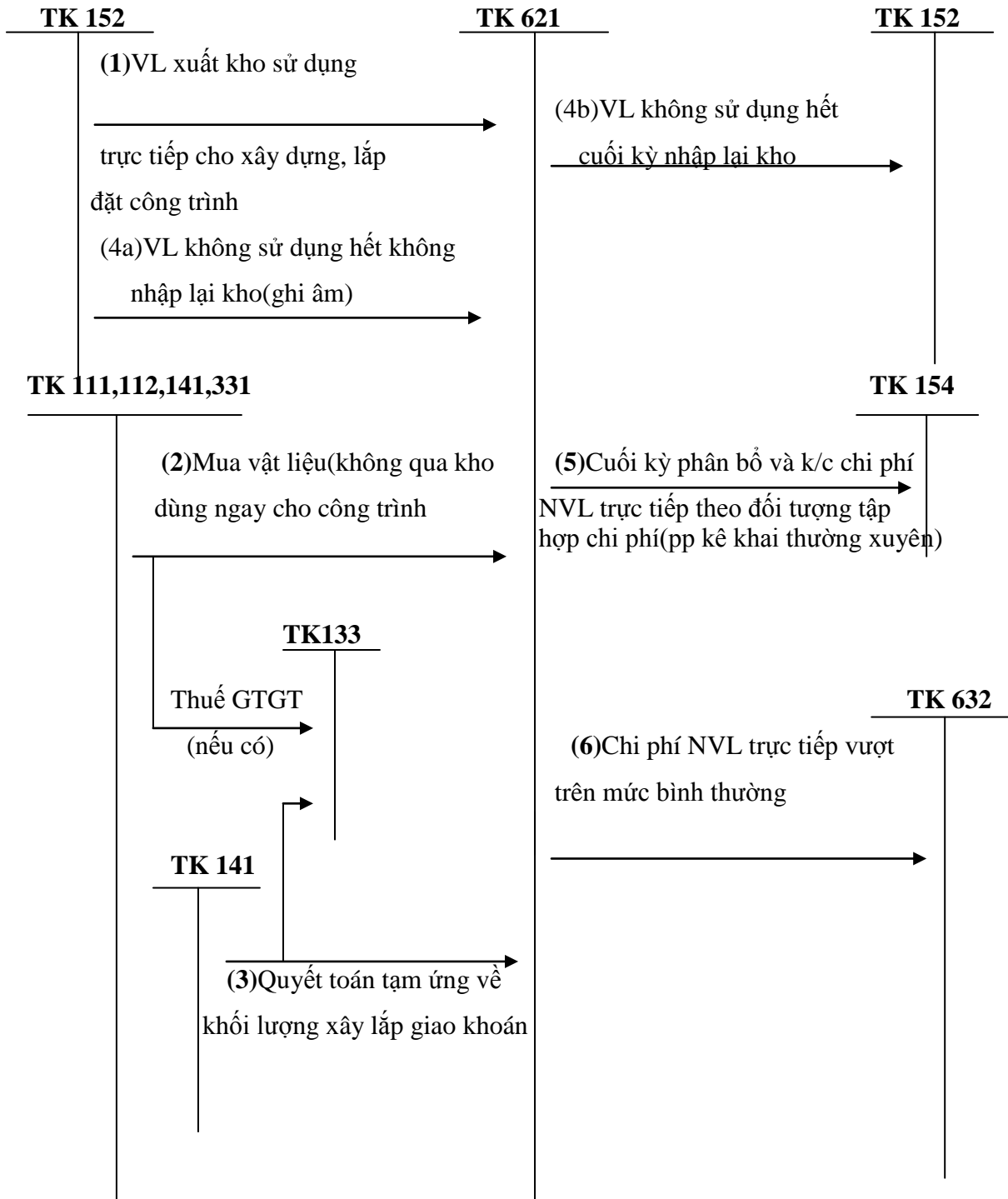
154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

TK 621 không có số dư cuối kỳ

**• Trình tự kế toán:**

Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp





#### **1.3.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương của công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, trên quỹ lương công nhân xây lắp.

##### ***Chứng từ kế toán sử dụng:***

Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-LĐTL)

Bảng thanh toán BHXH (Mẫu số 04-LĐTL)

Bảng thanh toán tiền thưởng (Mẫu số 05-LĐTL)

Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành (Mẫu số 06- LĐTL)

Hợp đồng làm khoán (Mẫu số 08-LĐTL)

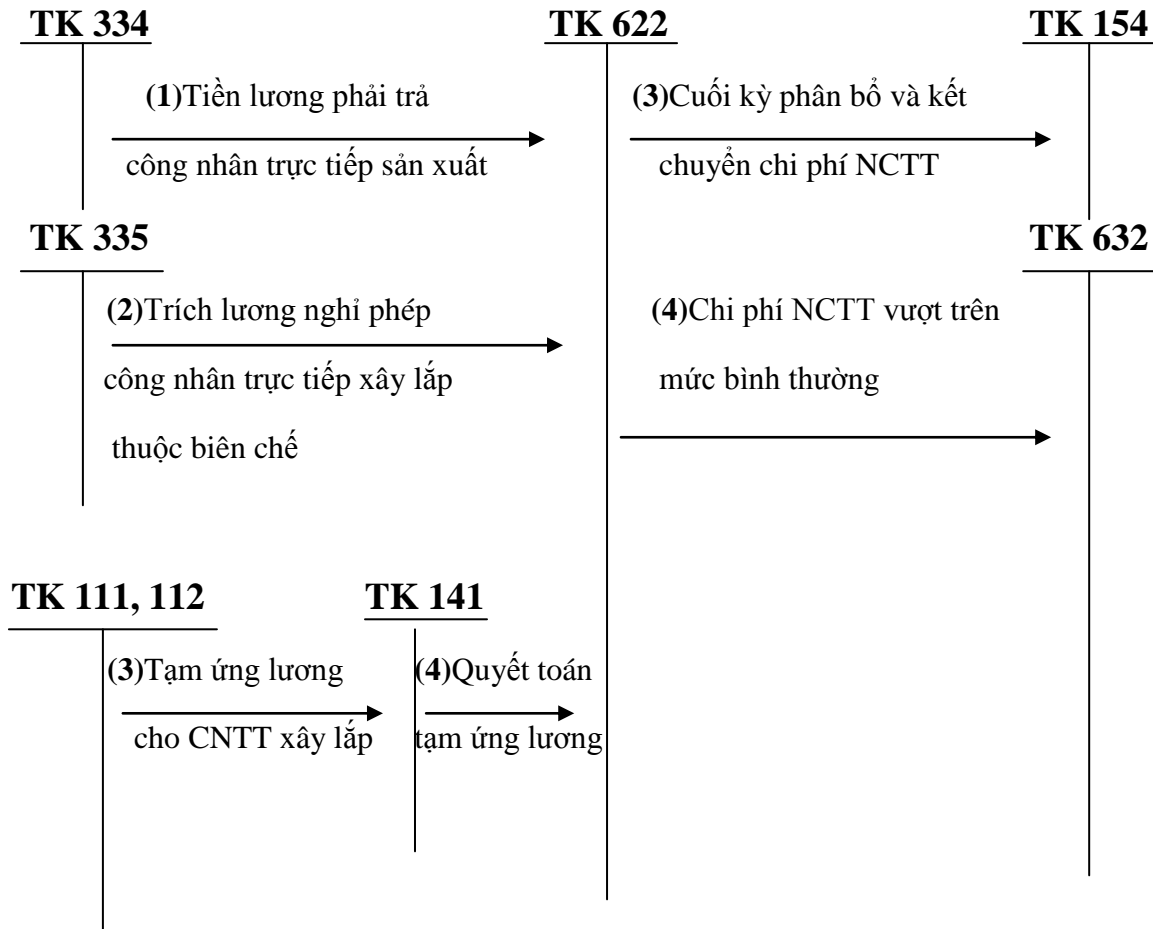
##### ***Tài khoản sử dụng:*** TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp gồm: Tiền lương, tiền công lao động, trả trực tiếp cho công nhân trực tiếp xây lắp

Bên có: Kết chuyển vào bên nợ TK 154

TK 622 cuối kỳ không có số dư

**Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



**1.3.4.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn bê tông, trộn vữa, cần trục, cần cẩu, xúc đất, san nền... Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, động lực, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác của đội máy thi công.

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp nên

việc phân bổ chi phí sử dụng máy cho các đối tượng xây lắp được thực hiện theo từng loại máy, nhóm máy căn cứ vào số ca máy hoạt động thực tế hoặc khối lượng công việc hoàn thành của máy.

• **Tài khoản sử dụng:**

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương ( BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

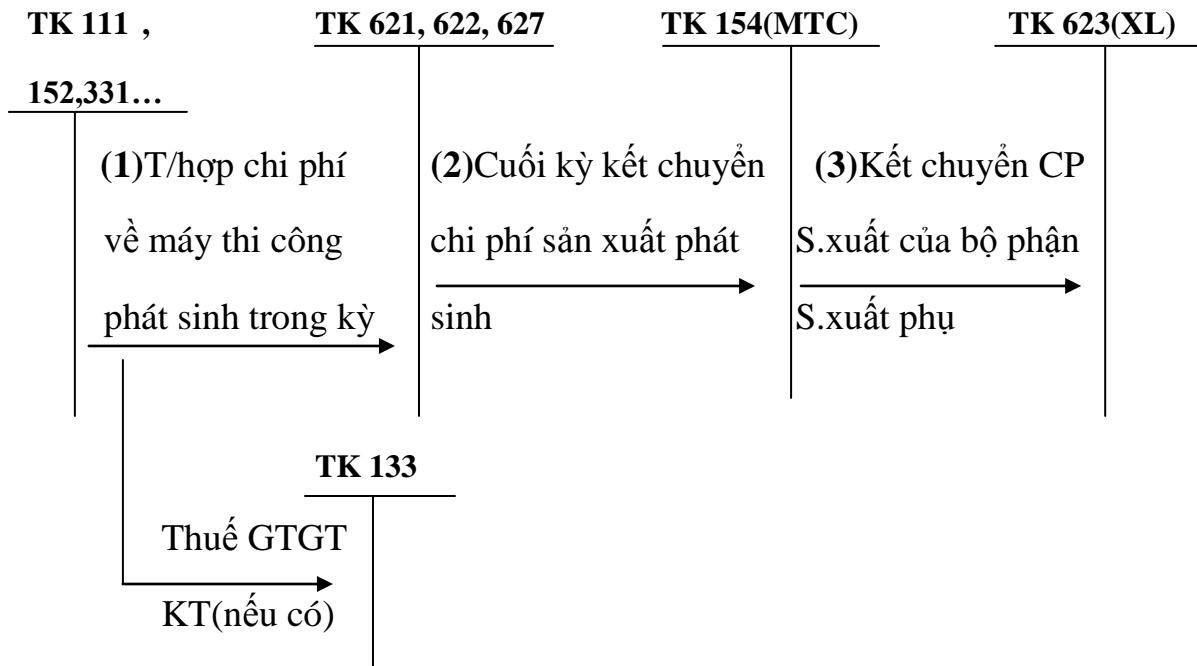
Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6231: Chi phí nhân công
- TK 6232: Chi phí vật liệu
- TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công
- TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6238: Chi phí bằng tiền khác

• **Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công:**

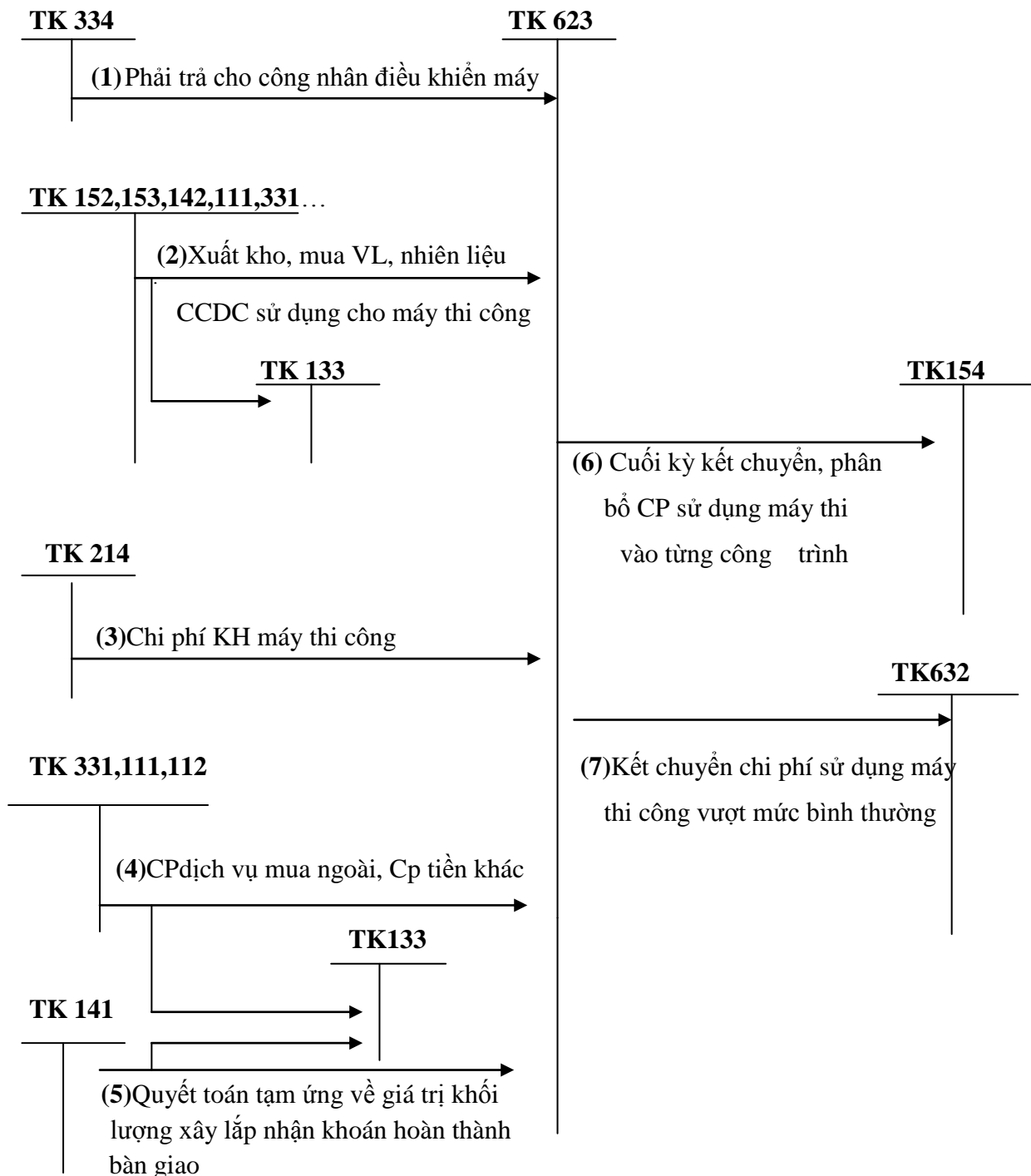
- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

**Sơ đồ 1.3. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công  
( Trường hợp đội máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng)**



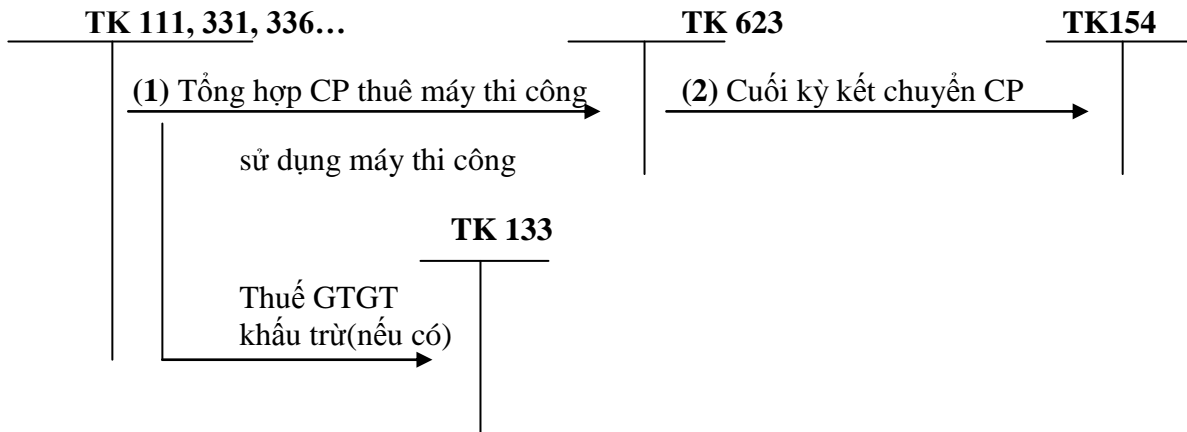
- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

**Sơ đồ 1.4. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công  
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng)**



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công ) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

**Sơ đồ 1.5. Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công  
( Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài máy thi công)**



**1.3.4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí này bao gồm tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội ( thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của đội xây lắp. Khi phát sinh chi phí này, kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản 627 – chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp

**• Tài khoản sử dụng:**

Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627 – chi phí sản xuất chung.

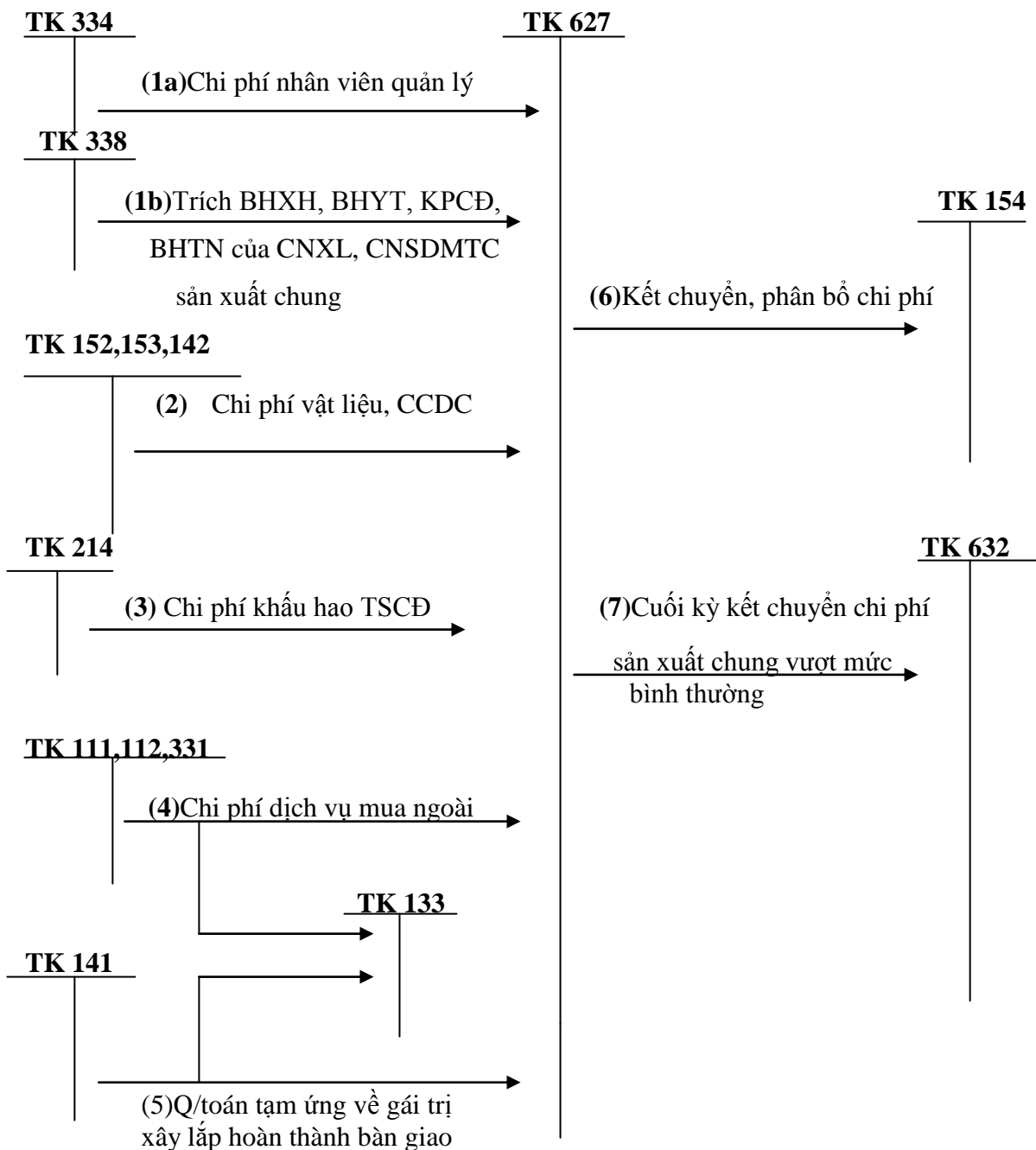
Bên nợ: Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ bao gồm: Lương nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng, của công nhân xây lắp, trích BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN được tính theo tỷ lệ (%) quy định hiện hành trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động đội và các chi phí khác có liên quan...

Bên có: Các chi phí giảm chi phí sản xuất chung, kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên nợ TK 154.

Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6271 : Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272 : Chi phí vật liệu
- TK 6273 : Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6274 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278 : Chi phí bằng tiền khác

**Sơ đồ 1.6. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung**



### 1.3.4.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

• **Nội dung và phương pháp tập hợp**

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm những chi phí có liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được tập hợp vào bên Nợ các tài khoản 621, 622, 623, 627. Để tính được giá thành sản phẩm cho từng đối tượng, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí đối với các chi phí đã tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng, còn đối với các chi phí không tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng kế toán phải phân bổ các chi phí này cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp.

• **Phân bổ chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung**

Chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng công trường hoặc đội thi công và tính phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo phương pháp thích hợp. Tiêu chuẩn để phân bổ chi phí sản xuất chung thường được sử dụng có thể là: phân bổ theo chi phí sản xuất định mức, phân bổ theo giờ công sản xuất kinh doanh định mức hoặc thực tế, phân bổ theo ca máy thi công, nhân công trực tiếp.

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} \times \text{Tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng}$$

Để tiến hành tính giá thành các chi phí được kết chuyển hoặc được phân bổ vào tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Giá thành công tác xây lắp trong kỳ được xác định theo công thức:

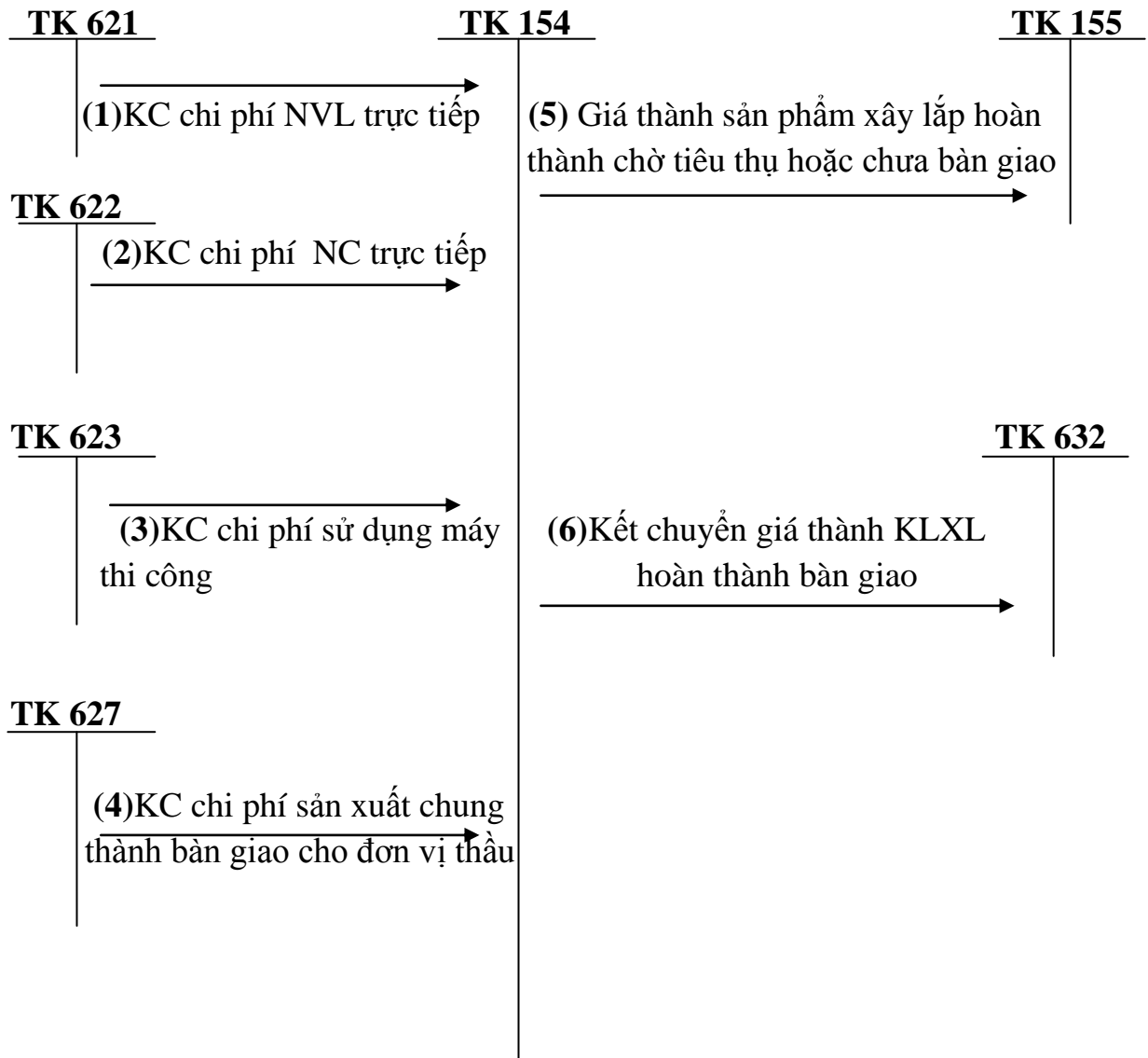
$$\begin{matrix} \text{Giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{xây lắp} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

• Tài khoản sử dụng: 154, 155

• Trình tự kế toán:



**Sơ đồ 1.7. Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất  
( Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



### 1.3.5. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm làm dở trong các doanh nghiệp xây dựng là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Muốn đánh giá sản phẩm làm dở một cách chính xác trước hết phải kiểm kê chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời phải xác định đúng mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm so với khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định được khối lượng xây lắp dở dang, phát hiện những tổn thất trong quá trình thi công.

Chất lượng công tác kiểm kê, khối lượng xây lắp dở dang có ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của việc đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành.

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng một trong các phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở sau:

- **Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán**

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo dự toán}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo dự toán}
 \end{array}$$

- **Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương**

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đối theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đối theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

• **Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán**

Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ	×	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ
		Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ	+	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành		

Ngoài ra, đối với một số công việc như nâng cấp sửa chữa hoàn thiện hoặc xây dựng các công trình có giá trị nhỏ thời gian thi công ngắn theo hợp đồng bên chủ đầu tư thanh toán khi đã hoàn thành toàn bộ chi phí dở dang cuối kỳ chính là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi thi công tới thời điểm kiểm kê, đánh giá.

**1.3.6. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp**

**1.3.6.1. Đối tượng tính giá thành**

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải được tính giá thành và giá thành đơn vị. Khác với hạch toán chi phí sản xuất, công việc tính giá thành là xác định giá thực tế từng loại sản phẩm và toàn bộ sản phẩm đã được hoàn thành. Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm, bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất thực tế của doanh nghiệp. Các loại sản phẩm và lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản xuất và sử dụng của chúng để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành thường trùng hợp với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đó có thể là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

### 1.3.6.2. Phương pháp tính giá thành

#### a. Phương pháp tính giá thành trực tiếp

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây dựng. Vì sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu sản phẩm dở dang không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$Z = Ddk + C - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao

Ddk, Dck: Chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

C : Chi phí phát sinh trong kỳ

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội công trình sản xuất đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi, quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình là:

$$Gdti \times H$$

Trong đó: H là tỉ lệ phân bổ giá thành thực tế

$$H = \frac{\sum C}{\sum Gdt} \times 100\%$$

$\sum C$  : Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

$\sum Gdt$  : Tổng dự toán của tất cả các công trình

Gdti : Giá trị dự toán của công trình thứ i

*b. Phương pháp tính giá theo đơn đặt hàng*

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành có thể không trùng với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí khối lượng xây lắp dở dang.

*c. Phương pháp tổng cộng chi phí*

Phương pháp này thường được áp dụng với các công trình lớn, phức tạp, công trình phải trải qua nhiều giai đoạn thi công. Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z = C1 + C2 + C3 + \dots + Cn + Ddk - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình

C1+C2+C3 : Chi phí xây lắp của các giai đoạn

Ddk, Dck : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ, dở dang cuối kỳ.

*d. Phương pháp tính giá thành theo định mức*

Đây là phương pháp giá thành dựa vào định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất, khoản chênh lệch do những thay đổi định mức cũng như những chênh lệch trong quá trình so với định mức.

Theo phương pháp này giá thành thực tế được xác định như sau:

Giá thành thực tế của SPXL	=	Giá thành định mức sản phẩm xây lắp	±	Chênh lệch thay đổi định mức	±	Chênh lệch do thoát ly định mức
----------------------------	---	-------------------------------------	---	------------------------------	---	---------------------------------

## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG

### 2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
BẠCH ĐẰNG.

Tên giao dịch tiếng anh: BACH DANG CONSULTANCY, INVESTMENT  
AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPAN

Tên viết tắt: BACH DANG C.I.C.,JSC

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 1 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận  
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.*

Điện thoại: 031.3552815; Fax: 031.3552815

Mã số thuế: 0200599366

Vốn điều lệ: **10.817.200.000 đồng**

Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng thành lập ngày 10 tháng 09 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0203001017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 09 năm 2004.

Vốn của công ty tại thời điểm thành lập là 3.700.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động vốn của Công ty đã được bổ sung thêm và cho đến nay là gần 11 tỷ đồng.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng đã dần khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực hoạt động trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương ... Dựa trên

những ưu thế sẵn có, Công ty ngày càng mở rộng thị trường, tạo niềm tin đối với các đối tác và cơ quan quản lý liên quan.

**2.1.2. Ngành, nghề kinh doanh:**

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, thẩm định các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp. Khảo sát địa chất, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.

- Đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng đô thị, công nghiệp; Xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng, lắp đặt các công trình bưu chính viễn thông; kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn.

**2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và các thành tích Công ty đã đạt được**

*a. Thuận lợi:*

- Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng là một nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp.

- Trong lĩnh vực nhận thầu xây dựng tiếp tục nhận và thi công chuyển tiếp nhiều công trình lớn, có khả năng tạo công ăn việc làm và mở rộng thị trường của công ty.

- Công ty có bộ máy điều hành ổn định, nề nếp, năng động sáng tạo, biết phát huy thế mạnh và khắc phục khó khăn để vươn lên. Đội ngũ cán bộ công nhân viên tuy không đông nhưng có chất lượng, yêu nghề, yêu đơn vị và đoàn kết tốt.

*b. Khó khăn:*

- Về nguồn vốn, Công ty đang đứng trước thách thức lớn phải tập trung nguồn vốn đầu tư vào các dự án mới, trong bối cảnh thị trường nhà đất của Hải Phòng hiện nay có sự cạnh tranh gay gắt.

- Trong những năm qua công tác nhận thầu xây dựng có sự phát triển nhanh. Song xuất hiện yếu tố rủi ro là công tác thu hồi vốn chậm, gây khó khăn cho cân bằng tài chính và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

- Việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại cũng là vấn đề khó khăn trong việc ra quyết định áp dụng trang thiết bị phù hợp với nhu cầu và nguồn vốn của Công ty.

*c. Các thành tích mà Công ty đạt được trong những năm gần đây*

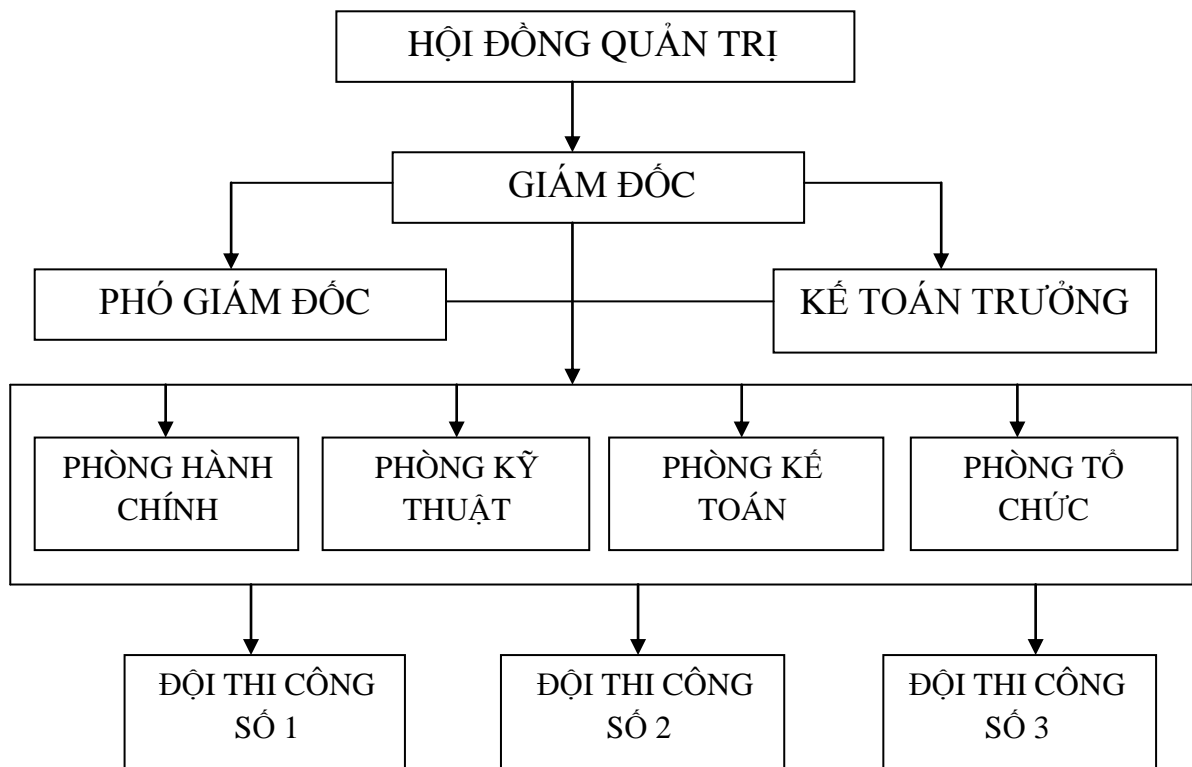
(ĐVT: VNĐ)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1.	Doanh thu	60.152.072.111	79.550.178.527	75.832.566.100
2.	Lợi nhuận	3.617.158.412	4.961.904.586	9.666.465.354
3.	Nộp Ngân sách	3.461.141.593	3.440.571.019	6.640.080.026
4.	Tỷ lệ chia cổ tức	22,4%	17,8%	48,025%

#### **2.1.4. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận**

Bộ máy của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

*Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty*





*Ghi chú:*

**Hội đồng quản trị:** có quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty nhưng vẫn phải đúng pháp luật.

**Giám đốc:** quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả kinh doanh, trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng kinh tế, chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

**Phó giám đốc:** chịu trách nhiệm trước giám đốc về những công việc được giao nhiệm vụ, giúp giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày.

**Kế toán trưởng:** là người phụ trách công tác kế toán cho công ty, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó kế toán phải theo dõi các nghĩa vụ đối với Nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của công ty.

**Phòng kỹ thuật:**

+Lập hồ sơ thiết kế, soạn thảo các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực xây dựng khảo sát

+Tổ chức thiết kế công trình phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty

+ Phối hợp với các bộ phận khác thực hiện chức năng giám sát kỹ thuật công trình do Công ty đầu tư và xây dựng.

**Phòng tổ chức:**

+Thực hiện công tác nghiệp vụ quản lý nhân sự, quản lý lao động

+Trực tiếp giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác tổ chức, nhân sự, hợp đồng lao động.

+Cùng phối hợp với Phòng kế toán để thực hiện công tác lao động tiền lương, phụ trách công tác BHXH, BHYT, BHTN.

+Phụ trách công tác thi đua khen thưởng của Công ty.

**Phòng kế toán:**

+Thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính của Công ty.

+Lập kế hoạch tài chính hàng năm, theo dõi thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ.

+Tham gia thẩm định kinh tế, thanh quyết toán các công trình do Công ty thực hiện đầu tư

+Trực tiếp quản lý kết, quỹ tiền mặt của Công ty.

+Quản lý, lưu trữ hồ sơ kế toán, chứng từ sổ sách và tài liệu có liên quan.

+Tham gia Ban kiểm soát của Công ty.

***Phòng hành chính:***

+Trực tiếp quản lý sử dụng nhà cửa, trang thiết bị văn phòng, phương tiện cùng các vật dụng khác của Công ty.

+Mua sắm trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, ấn phẩm phục vụ nhu cầu sử dụng của Công ty, trực tiếp quản lý chi phí hành chính.

+Phụ trách công tác lễ tân, tạp vụ, văn thư và lái xe.

+Quản lý con dấu.

***Các đội thi công:***

+Tổ chức tuyển chọn lao động, trực tiếp ký kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới một năm và sử dụng lao động theo quy chế hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.

+Tổ chức khai thác công trình nhận thầu, chủ động lập hồ sơ dự thầu để tham gia đấu thầu công trình.

+Tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị để thi công công trình.

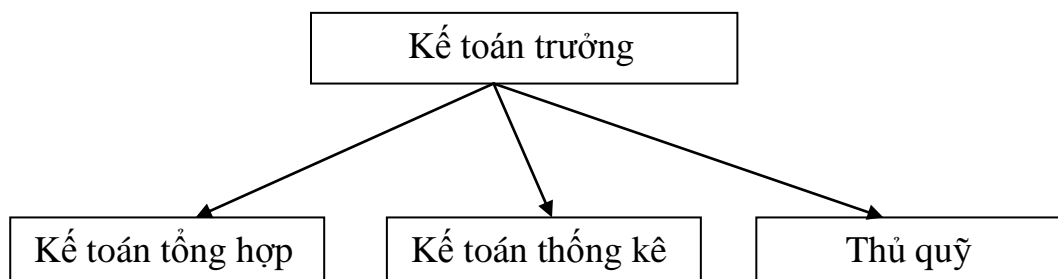
+Tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động và bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn trong sản xuất và bảo vệ sức khỏe cho CBCNV.

**2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty**

***2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.***

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, nghĩa là phòng tài vụ của Công ty cũng là phòng kế toán trung tâm thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính của Công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán.

**Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty**



*Ghi chú:*

***Kế toán trưởng( đứng đầu bộ máy kế toán):***

+Giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp năng lực và chuyên môn của từng người.

+Chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

+Kiểm tra toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.

+Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

***Kế toán tổng hợp:***

+Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời, phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng.

+Lập phiếu nhập, phiếu xuất hàng hóa

+Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hóa đơn, viết hóa đơn bán hàng.

***Kế toán thống kê:***

+Lập hợp đồng kinh tế, lập báo giá bán hàng cho khách hàng.

+Hỗ trợ kế toán tổng hợp hoàn thiện chứng từ đầu vào, đầu ra và các nghiệp vụ kế toán trong phòng kế toán.

***Thủ quỹ:*** đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của Công ty.

**2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.**

Hiện nay Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ tài chính và đã được Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Niên độ kế toán là 1 năm, bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam ( VNĐ).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 25%.

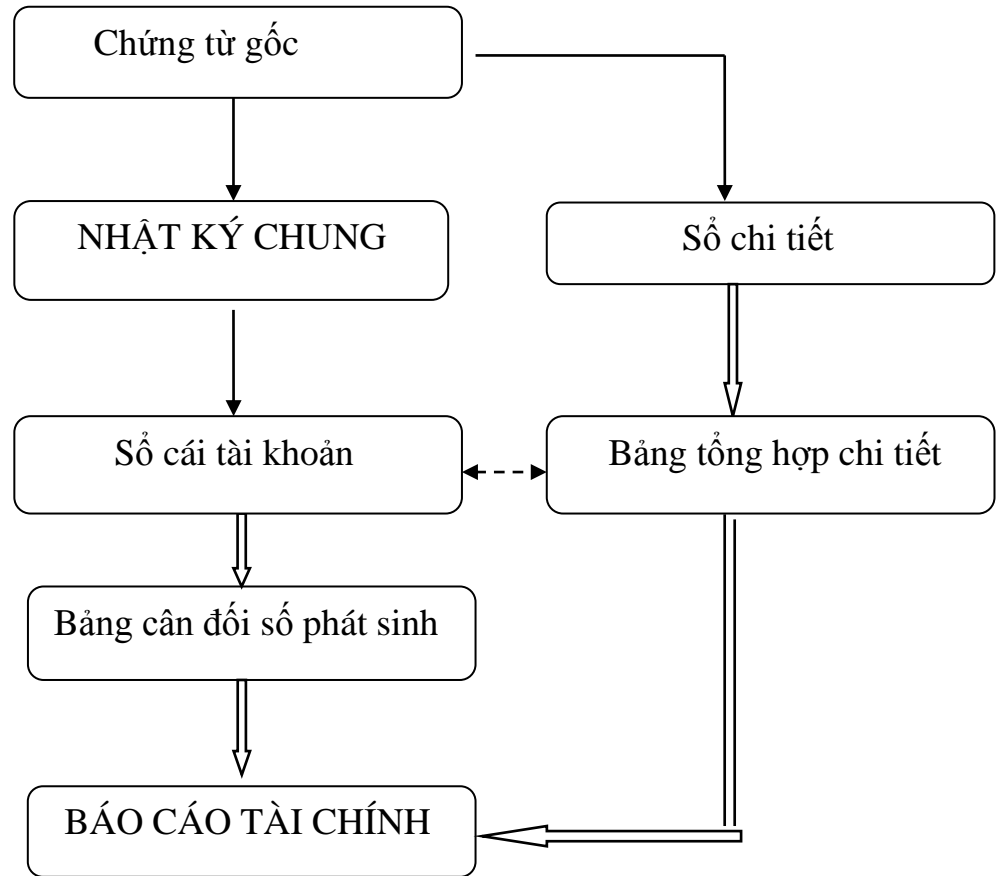
Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ.

Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để vào Sổ Cái theo tài khoản kế toán phù hợp; từ chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản lập bảng tổng hợp chi tiết. Số liệu trên Sổ Cái sẽ được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu trùng khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối kỳ

↔ : Đối chiếu

## **2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG.**

### **2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.**

#### **2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán tập hợp chi phí xây lắp tại công ty**

Sản phẩm chính của công ty là các công trình xây dựng. Công ty thường ký kết hợp đồng theo các công trình, do vậy đối tượng tập hợp chi phí thi công của công ty là theo công trình. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư yêu cầu thì công ty tổ chức kế toán tập hợp chi phí theo hạng mục công trình. Nguyên tắc kế toán tập hợp chi phí ở công ty là chi phí phát sinh tại công trình ( hạng mục công trình) nào thì tập hợp cho công trình đó. Đối với chi phí phát sinh chung liên quan nhiều cho công trình thì công ty tiến hành phân bổ theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

#### **2.2.1.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí tại công ty**

Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp cũng như tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình.

Công ty phân loại chi phí theo khoản mục tính giá thành, bao gồm bốn khoản mục, đó là:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: gạch, cát, sỏi, xi măng, thép... phục vụ trực tiếp thi công các công trình, hạng mục công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp tính trả cho công nhân xây lắp không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất..

- Chi phí sử dụng máy thi công là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của Công ty bao gồm khấu hao máy thi công, tiền lương của công nhân vận hành máy (không kể các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính theo tiền lương của công nhân vận hành

máy thi công) hay chi phí sử dụng máy thi công do công ty đi thuê ca máy từ bên ngoài.

- Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân xây lắp, công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý đội, đội thi công, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, khấu hao...

### **2.2.1.3. Phương pháp tập hợp chi phí tại công ty**

Tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng chi phí được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty là:

+ Phương pháp tập hợp trực tiếp: Phương pháp này được sử dụng để tập hợp trực tiếp các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình. Chi phí được tập hợp trực tiếp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đối với chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung mà có thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình thì cũng sử dụng phương pháp tập hợp trực tiếp để tập hợp chi phí.

+ Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp: Đối với chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến nhiều đối tượng chi phí (công trình, hạng mục công trình) thì được tập hợp chung sau đó phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp. Chi phí sử dụng máy thi công sẽ được phân bổ theo số ca máy thực hiện; chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

### **2.2.1.4. Kế toán sử dụng các tài khoản để tập hợp chi phí và tính giá thành.**

- Tài khoản 621: Phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, công trình, hạng mục công trình

- Tài khoản 622: Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động xây lắp. Chi phí nhân công trực tiếp là khoản tiền phải trả, phải thanh toán

cho công nhân trực tiếp xây lắp.

- Tài khoản 623: Phản ánh chi phí thuê máy móc thi công bên ngoài, thi công công trình nào tính cho công trình đó hay chi phí sử dụng máy thi công của chính doanh nghiệp.

- Tài khoản 627: Phản ánh những chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình xây lắp, chi phí sản xuất chính bao gồm:

- Tiền lương của các bộ phận quản lý thi công phân bổ các công trình và các khoản trích theo BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho công nhân xây lắp, nhân viên quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí CCDC
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các chi phí bằng tiền khác

Chi phí chung được theo dõi và tập hợp như sau: Chi phí sản xuất chung được theo dõi chung cho toàn doanh nghiệp sau đó phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức thích hợp.

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan đến việc tập hợp chi phí sản xuất như tài khoản 141, 136,...

Trên thực tế, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng thực hiện kế toán khoán gọn công trình, hạng mục công trình cho các đội thi công xây dựng.

## **2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.**

### **2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành**

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các hạng mục công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.



### **2.3.2.2. Kỳ tính giá thành**

Công ty xác định kỳ tính giá thành theo thời gian hoàn thành công trình với các công trình nhỏ, thời gian thi công không quá một năm, còn đối với các công trình lớn, thời gian thi công kéo dài từ năm này qua năm khác, thì kỳ tính giá thành xác định là theo năm, xác định giá thành cho khối lượng công việc hoàn thành ở điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

### **2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành**

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành thực tế (trực tiếp) có nghĩa là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình sẽ là tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư của công trình đó.

Do sản phẩm của công ty là xây lắp các công trình, hạng mục công trình đòi hỏi chất lượng, kỹ thuật thi công công trình cao nên việc đánh giá khối lượng công việc hoàn thành được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ gồm các bước sau:

#### *Bước 1: Nghiệm thu nội bộ*

Ban kỹ thuật công trình, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân đồng thời làm căn cứ để báo cáo nghiệm thu bước 2

#### *Bước 2: Nghiệm thu cơ sở*

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với công ty thực hiện. Số liệu này là căn cứ dùng để lập báo cáo.

#### *Bước 3: Nghiệm thu thanh toán*

Nghiệm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế thi công. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

#### *Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành*

Thường thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Thành phần tham gia như bước 3, ngoài ra còn mời một số cơ quan cấp trên và một số cơ quan liên quan. Đại diện bên A ( chủ đầu tư) cùng bên B ( đơn vị thi công) tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

### **2.2.3. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.**

Do Công ty đang áp dụng chế độ giao khoán cho các đội thi công mà đứng đầu là người phụ trách các đội thi công (gọi là chủ công trình), nên các chủ công trình chịu trách nhiệm tạm ứng tiền đầu tư công trình và tổ chức mọi hoạt động thi công tại công trình. Công ty sử dụng tài khoản 141 – mở chi tiết theo dõi vật tư, tiền vốn cho từng công trình để phản ánh quan hệ nội bộ giữa công ty và đội thi công.

Các công trình khi có nhu cầu tạm ứng vật tư, tiền vốn phải viết giấy xin đề nghị tạm ứng đề nghị giám đốc duyệt. Người đề nghị tạm ứng là người phụ trách đội thi công (chủ công trình). Khi xin tạm ứng phải ghi rõ ràng, đầy đủ nội dung cần tạm ứng, thanh toán kịp thời và đầy đủ các chứng từ hóa đơn hợp lệ và làm căn cứ để kế toán ghi Nợ tài khoản 141 – mở chi tiết cho từng công trình.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là: Các công trình và hạng mục công trình được thi công tại nhiều địa điểm cách xa nhau, vì vậy các đơn vị không cần thiết phải mua nguyên vật liệu về dự trữ mà khi có nhu cầu thì chủ công trình sẽ mua nguyên vật liệu về sử dụng ngay tại công trình và thực hiện theo cơ chế khoán của công ty. Đến cuối tháng kế toán đội thi công sẽ tập hợp chứng từ phát sinh tại đơn vị về làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng với công ty.

Trong khuôn khổ bài khóa luận, em xin lấy dẫn chứng minh họa về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng đối với công trình *Nhà dân film cách nhiệt cao cấp*.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng khoán gọn công trình cho *Đội thi công số 3* thi công mà đứng đầu

đội thi công số 3 là ông : *Nguyễn Hoài Nam* (Chủ công trình). Đội thi công số 3 ngoài thi công công trình Nhà dán film cách nhiệt cao cấp còn thi công một số công trình khác.

Theo hợp đồng khoán gọn công trình, đội thi công số 3 phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và phải đảm bảo chất lượng công trình. Đối với vật tư sử dụng cho công trình chủ công trình được quyền quyết định tự mua tại địa bàn thi công; tự thuê nhân công thi công và máy thi công thuê toàn bộ bên ngoài.

Công trình Nhà dán film cách nhiệt cao cấp được thi công và hoàn thành trong quý 2 năm 2011(bắt đầu từ ngày 15/04/2011 kết thúc ngày 16/06/2011).

### **2.3.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp bao gồm nhiều chủng loại. Khi có công trình thì dựa vào các tài liệu dự toán của công trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật mà xác định nhu cầu vật liệu cần thiết. Bởi vậy, vật liệu thường được mua ngoài và xuất thẳng xuống công trình.

Tùy theo từng công trình, các đội thi công được giao khoán việc mua nguyên vật liệu trên cơ sở bản dự toán kinh phí do công ty chuyển xuống cho đội thi công. Phòng kỹ thuật căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư, quy trình, quy phạm về thiết kế kỹ thuật, công nghệ thi công cũng như nhiều yếu tố liên quan khác mà kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng vật liệu để giao khoán cho đơn vị thi công thực hiện.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế của từng loại nguyên vật liệu ghi trên hóa đơn (giá không tính thuế).

Tài khoản sử dụng: TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

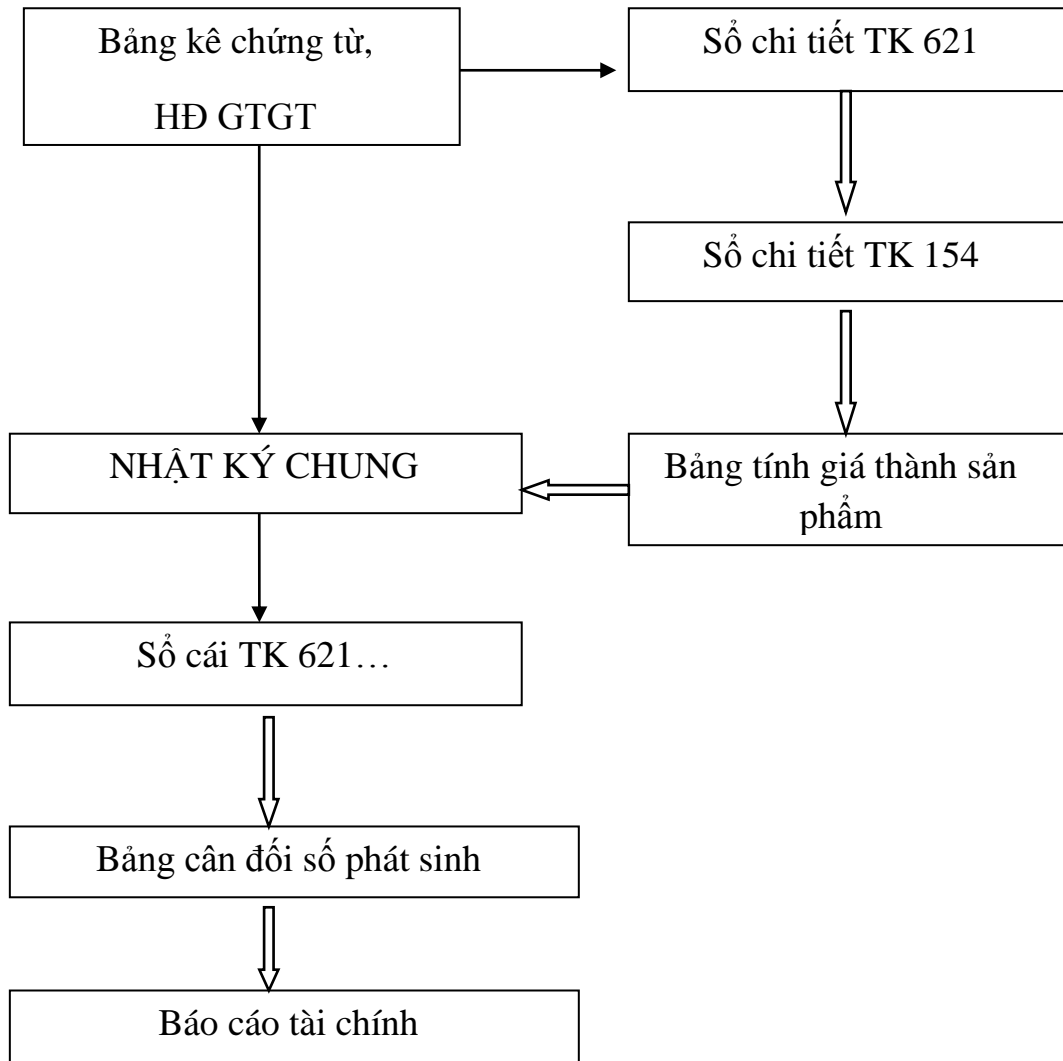
Tài khoản 621 còn được mở chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như: TK 133, 141, 154...

Chứng từ sử dụng: hóa đơn GTGT, phiếu chi, hóa đơn bán hàng, biên bản giao nhận, giấy đề nghị tạm ứng, bảng tổng hợp hóa đơn,...

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 621, sổ chi tiết,...

*Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được diễn ra như sau:*



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇨ : Ghi cuối kỳ
- ⇄ : Đối chiếu

*-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán do các kế toán công trình chuyển lên có kèm theo bảng kê kế toán công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 621, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 621, 141...*

*-Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết TK 621 lập sổ chi tiết TK 154. Từ sổ chi tiết TK154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung.*

***Ví dụ: về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu, chủ nhiệm công trình Nguyễn Hoài Nam viết giấy đề nghị tạm ứng tiền để mua nguyên vật liệu. Khi mua nguyên vật liệu về có hóa đơn, chi phí nguyên vật liệu xuất dùng sẽ được tập hợp vào bảng tổng hợp hóa đơn cùng với các hóa đơn, chứng từ gốc để gửi lên phòng kế toán của công ty vào cuối tháng. Nguyên vật liệu mua về chủ công trình phải đảm bảo về số lượng, chất lượng như đúng trong bản hồ sơ dự toán chi phí do công ty chuyển xuống. Đội thi công cũng tự chịu trách nhiệm bảo quản cũng như quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng tránh hư hỏng, mất mát.

Cụ thể, ngày 31 tháng 05 năm 2011, kế toán công trình “ ***Nhà dân film cách nhiệt cao cấp***” về thanh toán hóa đơn, chứng từ mua nguyên vật liệu phục vụ cho thi công công trình; các chứng từ bao gồm: bảng tổng hợp hóa đơn (biểu 2.1) và các chứng từ kèm theo như: hóa đơn GTGT số 27446 (biểu 2.2), hóa đơn 70550 (biểu 2.3) và các hóa đơn chứng từ khác.

Từ bộ chứng từ trên, kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ để làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng cho kế toán công trình và ghi sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 621: 77.027.048

Nợ TK 133: 7.702.685

Có TK 141: 84.729.733

Từ bút toán trên kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu 2.4), từ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 621( biểu 2.5), tài khoản 133 và tài khoản 141. Kế toán chi tiết căn cứ vào bộ chứng từ vào sổ chi tiết tài khoản 621( biểu 2.6) theo dõi cho công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ Cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết cuối kỳ lập báo cáo tài chính.

**Biểu 2.1**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

**BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN MUA NGUYÊN VẬT LIỆU**

Công trình: “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”

Từ ngày 01/05/2011 đến ngày 31/05/2011

**Số 55/5**

STT	NGÀY THÁNG	SỐ HĐ	NỘI DUNG CHI	GIÁ CHƯA THUẾ	THUẾ	THÀNH TIỀN
1	03/05/11	27446	Gạch lát	5.218.200	521.800	5.740.000
2	03/05/11	70550	Cước vận chuyển gạch	400.000	40.000	440.000
3	13/05/11	39704	Thép xây dựng	8.400.000	840.000	9.240.000
4	18/05/11	62357	Ốp Alumium	39.438.850	3.943.885	43.382.735
			.....			
<b>TỔNG</b>				<b>77.027.048</b>	<b>7.702.685</b>	<b>84.729.733</b>

*Bảng chữ: Tám mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng.*

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 05 năm 2011*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Phụ trách đội thi công**

**Người lập**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.2

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số:01GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**ML/11P**

Liên 2:Giao khách hàng

**0027446**

Ngày 03 tháng 05 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Chính Quỳnh.....

Địa chỉ: Số 167 – Tô Hiệu – Lê Chân – HP.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS:

0	2	0	0	8	6	4	9	1	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Đội thi công số 3.....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng

Địa chỉ: Số 1 – Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – HP.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM..... MS:

0	2	0	0	5	9	9	3	6	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
	Gạch GM 34067 1 AC3	Thùng	40	130.455	5.218.200
Cộng tiền hàng:					5.128.200
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		521.800
Tổng cộng tiền thanh toán					5.740.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu 2.3**

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số:01GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**NA/11B**

Liên 2:Giao khách hàng

**0070550**

Ngày 3 tháng 05 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Khởi Nguyên.....

Địa chỉ: Số 7/ 169 Phạm Hữu Điều – P.Niệm Nghĩa – LC- HP

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS:

0	2	0	0	8	1	6	9	7	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Đội thi công số 3.....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng

Địa chỉ: Số 1 – Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – HP.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM..... MS:

0	2	0	0	5	9	9	3	6	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
	Cước vận chuyển gạch	Chuyển	1	400.000	400.000
Cộng tiền hàng:					400.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					40.000
Tổng cộng tiền thanh toán					440.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.4**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03a-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/05	BK55/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng mua NVLTT cho công trình “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	621 133 141	77.027.048 7.702.685	84.729.733
31/05	BK56/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cước & TM Hưng Thịnh	623 133 141	6.320.000 632.000	6.952.000
31/05	BK57/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cước & TM Hưng Thịnh	627 133 141	14.093.198 21.317	14.114.515
31/05	BK58/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng công nhân CT “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	622 141	28.080.000	28.080.000
			.....			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển chi phí CT“Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	154	228.545.472	
			Chi phí NVL trực tiếp	621		123.495.717
			Chi phí NC trực tiếp	622		50.084.906
			Chi phí sử dụng MTC	623		16.646.100
			Chi phí sản xuất chung	627		38.318.749
03/07	BTGTQ2	03/07	Giá thành CT“Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	632 154	228.545.472	228.545.472
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>88.457.446.283</b>	<b>88.457.446.283</b>

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.5**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03b-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
02/05	BK38/4	29/04	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	13.234.224	
31/05	BK51/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT sửa chữa đường kè 315	141	456.334.444	
<b>31/05</b>	<b>BK55/5</b>	<b>31/05</b>	<b>Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film</b>	<b>141</b>	<b>77.027.048</b>	
			.....			
02/07	BK48/6	30/06	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT sửa chữa đường kè 315	141	234.456.234	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>3.265.245.265</b>	<b>3.265.245.265</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.6**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S36-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CHI TIẾT**

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu : 621

Tên công trình: “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/05	BK38/4	29/04	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	13.234.224	
<b>31/05</b>	<b>BK55/5</b>	<b>31/05</b>	<b>Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film</b>	<b>141</b>	<b>77.027.048</b>	
02/07	BK41/6	30/06	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	33.234.445	
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển CT nhà dán film	154		123.495.717
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>123.495.717</b>	<b>123.495.717</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

### 2.3.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty bao gồm tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công trình, số ngày công bao gồm cả lao động chính và lao động phụ.

Công ty áp dụng hình thức khoán gọn cho toàn bộ công nhân công trình theo thời điểm và tính chất công trình công ty đã ghi trong văn bản nhận thầu. Hàng tháng, nếu công trình thực tế thi công dở dang hoặc chưa nghiệm thu bàn giao thì căn cứ vào khối lượng thực tế thi công hoàn thành để công ty tạm ứng tiền nhân công cho các đội.

Trước khi thi công công trình đội trưởng đội thi công phải ký kết hợp đồng giao khoán với nhóm công nhân.

Các nhóm nhân công tiến hành sản xuất thi công theo hợp đồng làm khoán, tổ trưởng các tổ sản xuất theo dõi tình hình lao động của nhân công trong mỗi tổ thông qua bảng chấm công ở ngay sau hợp đồng giao khoán. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm căn cứ thanh toán.

Gần cuối tháng chủ công trình cử kế toán dưới đội thi công lên công ty ứng tiền trả cho công nhân viên đội thi công. Số tiền tạm ứng được sẽ về thanh toán cho công nhân viên theo bảng thanh toán lương cũng như hợp đồng giao khoán với công nhân thuê ngoài. Sau khi thanh toán xong, kế toán đội thi công sẽ làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng cho kế toán công ty.

*Tài khoản sử dụng:* TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

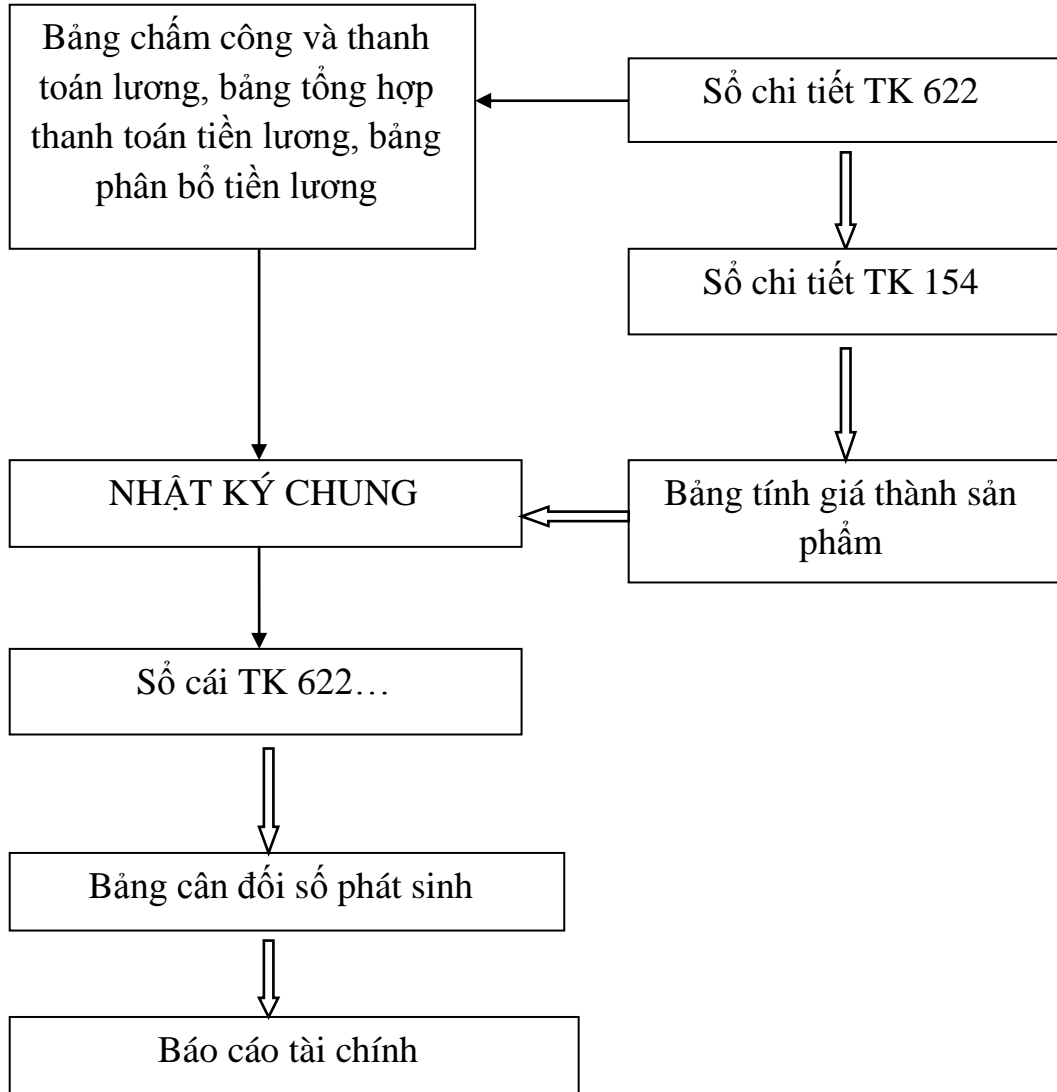
Tài khoản 622 còn được mở chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như: TK 133, 141, 154...

Chúng tôi sử dụng: hợp đồng thuê khoán nhân công, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng chia lương,...

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 622, sổ chi tiết tài khoản 622, bảng tổng hợp chi tiết,....

Quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được diễn ra như sau:



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

==> : Ghi cuối kỳ

←- - -> : Đối chiếu

-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán do các kế toán công trình chuyển lên có kèm theo bảng kê kế toán công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 622, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 622, 141...

-Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết TK 622 lập sổ chi tiết TK 154. Từ sổ chi tiết TK154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung.

***Ví dụ : về tập hợp chi phí nhân công trực tiếp***

Ngày 31/05/2011, kế toán công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp” về công ty thanh toán tiền chi phí nhân công thi công công trình. Kế toán công trình xuất bộ chứng từ bao gồm: hợp đồng giao khoán (biểu 2.7), bảng chấm công, bảng thanh toán lương (biểu 2.8), bảng chia lương (biểu 2.9). Kế toán công ty kiểm tra bộ chứng từ làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng thi công công trình.

Sau khi làm thủ tục thanh toán cho kế toán đội thi công số 3 thì từ bộ chứng từ trên kế toán công ty ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 622 : 20.084.906

Có TK 141: 20.084.906

Từ bút toán trên kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu 2.11), đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 622 theo dõi cho công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp” (biểu 2.12). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 622 (biểu 2.13), tài khoản 141.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ Cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết cuối kỳ lập báo cáo tài chính.

**Biểu 2.7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN NHÂN CÔNG**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11...
- Căn cứ nhu cầu sử dụng nhân lực thi công tại công trình...
- Căn cứ năng lực của tổ công nhân.

Hôm nay, ngày 16 tháng 04 năm 2011, tại trụ sở BCH công trường “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”, chúng tôi gồm các bên như sau:

**I. BÊN GIAO KHOÁN: ĐỘI THI CÔNG SỐ 3**

- Đại diện Ông: *Nguyễn Hoài Nam* Chức vụ: Đội trưởng đội thi công số 3
- Điện thoại:

**II. BÊN NHÂN KHOÁN: TỔ CÔNG NHÂN PHÚ NGỌC LINH**

- Đại diện Bà: *Lương Minh Trang* Chức vụ: Tổ trưởng đội thi công
- Nghề nghiệp:

**CÁC BÊN THỎA THUẬN VÀ NHẬT TRÍ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:**

**Điều 1: Công việc, khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng**

- Ban chỉ huy công trường có nhu cầu và Tổ nhân công cam kết có đủ khả năng, kinh nghiệm để nhận thi công các hạng mục xây dựng theo hình thức: Khoán gọn.
- Đơn giá thanh toán theo biên bản giao khoán khối lượng công việc.
- Theo bảng kê khối lượng công việc và đơn giá kèm theo.
- Tổng giá trị hợp đồng: Theo thực tế.

**Điều 2: Chất lượng công việc và các nhu cầu năng lực, kỹ thuật.**

.....

**Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện**

- Thời gian thực hiện từ ngày 16 tháng 04 năm 2011 đến ngày 15 tháng 06 năm 2011.
- Tiến độ thực hiện: Bên thuê sẽ chủ động điều phối tiến độ thi công chung toán công trường để tổ nhân công phát huy hết năng lực.

**Điều 4: Thanh toán hợp đồng**

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt
- Thời hạn thanh toán: Trong quá trình thi công bên nhận khoán sẽ được tạm ứng theo thỏa thuận hai bên, khi nào nghiệm thu khối lượng hoàn thành thì mới được thanh toán.

**Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên: .....**

**Điều 6: Những thỏa thuận khác: .....**

**BÊN GIAO KHOÁN**

**BÊN NHẬN KHOÁN**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu 2.8**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

## **BẢNG TÍNH LƯƠNG**

**Công trình:** Nhà dán film cách nhiệt cao cấp

**Hạng mục:** Nhà dán kính

**Tổ thi công:** Phú Ngọc Linh

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sản xuất cột thép	Tấn	0,167	1.200.000	200.400
2	Lắp đặt cột thép	Tấn	0,167	950.000	158.650
3	Lắp dựng xà gồ thép	Tấn	0,159	450.000	71.550
5	Xây tường 220	M3	0,951	180.000	171.180
6	Trát tường	M2	10,812	45.000	486.540
7	Cốt thép xà dầm, $d \leq 10\text{mm}$	Tấn	0,013	2.500.000	32.500
	.....				
	<b>TỔNG</b>				<b>50.084.906</b>

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2011

**Đội thi công**

**Kỹ thuật**

**Kế toán**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)



**Biểu 2.9**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

**BẢNG CHIA LƯƠNG**

**Công trình:** “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”

**Hạng mục:** Nhà dán kính

**Tổ:** Phú Ngọc Linh

**Thời gian:** Tháng 5 năm 2011

<i>STT</i>	<i>HỌ TÊN</i>	<i>TỔNG SỐ CÔNG</i>	<i>TIỀN LƯƠNG NGÀY</i>	<i>THÀNH TIỀN</i>	<i>KÝ NHẬN</i>
1	Phú Ngọc Linh	29	120.000	3.480.000	
2	Trịnh Quý Quân	29	100.000	2.900.000	
3	Đỗ Ngọc Huân	28	100.000	2.800.000	
4	Lê Ngọc Toàn	28	100.000	2.800.000	
5	Lã Viết Hưng	27	100.000	2.700.000	
6	Lã Viết Nhiên	25	100.000	2.500.000	
7	Bùi Thị Huệ	29	100.000	2.900.000	
	...				

**Tổng tiền lương của tổ: 20.080.000**

**Bằng chữ: Hai mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng.**

**Kế toán CT**

**Tổ trưởng**

**Đội trưởng đội thi công**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.10**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03a-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/05	BK55/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng mua NVLTT cho công trình “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	621 133 141	77.027.048 7.702.685	84.729.733
31/05	BK56/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	623 133 141	6.320.000 632.000	6.952.000
31/05	BK57/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	627 133 141	14.093.198 21.317	14.114.515
31/05	BK58/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng công nhân CT “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	622 141	28.080.000	28.080.000
			....			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển chi phí CT “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	154	228.545.472	
			Chi phí NVL trực tiếp	621		123.495.717
			Chi phí NC trực tiếp	622		50.084.906
			Chi phí sử dụng MTC	623		16.646.100
			Chi phí sản xuất chung	627		38.318.749
03/07	BTGTQ2	03/07	Giá thành CT “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	632 154	228.545.472	228.545.472
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>88.457.446.283</b>	<b>88.457.446.283</b>

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.11**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S36-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CHI TIẾT**

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu : 622

Tên công trình: “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/05	BK39/4	29/04	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	12.205.000	
<b>31/05</b>	<b>BK58/5</b>	<b>31/5</b>	<b>Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film</b>	<b>141</b>	<b>20.080.000</b>	
02/07	BK42/6	30/06	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	17.799.906	
03/07	PKT61/6	30/06	Kết chuyển CT nhà dán film	154		50.084.906
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>50.084.906</b>	<b>50.084.906</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày... tháng... năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.12**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03b-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			.....			
02/05	BK39/4	29/04	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	12.205.000	
<b>31/05</b>	<b>BK58/5</b>	<b>31/05</b>	<b>Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film</b>	<b>141</b>	<b>20.080.000</b>	
02/07	BK42/6	30/06	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT nhà dán film	141	17.799.906	
02/07	BK51/6	30/06	Thanh toán tiền tạm ứng tiền CT đường kè 315	141	345.234.653	
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.152.356.325</b>	<b>2.152.356.325</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

### 2.3.3.3. Kế toán chi phí máy thi công

Chi phí máy thi công là chi phí sử dụng máy xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng tay.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp hóa đơn, hợp đồng thuê máy thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành,...

- Tài khoản sử dụng: TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

- Tài khoản 623 còn được mở chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình nếu như khoản chi phí này có thể tách được riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Nếu không tách được riêng cho từng công trình, hạng mục công trình thì sẽ được tập hợp chung sau đó được phân bổ theo ca máy.

- Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như: TK 133, 141, 154...

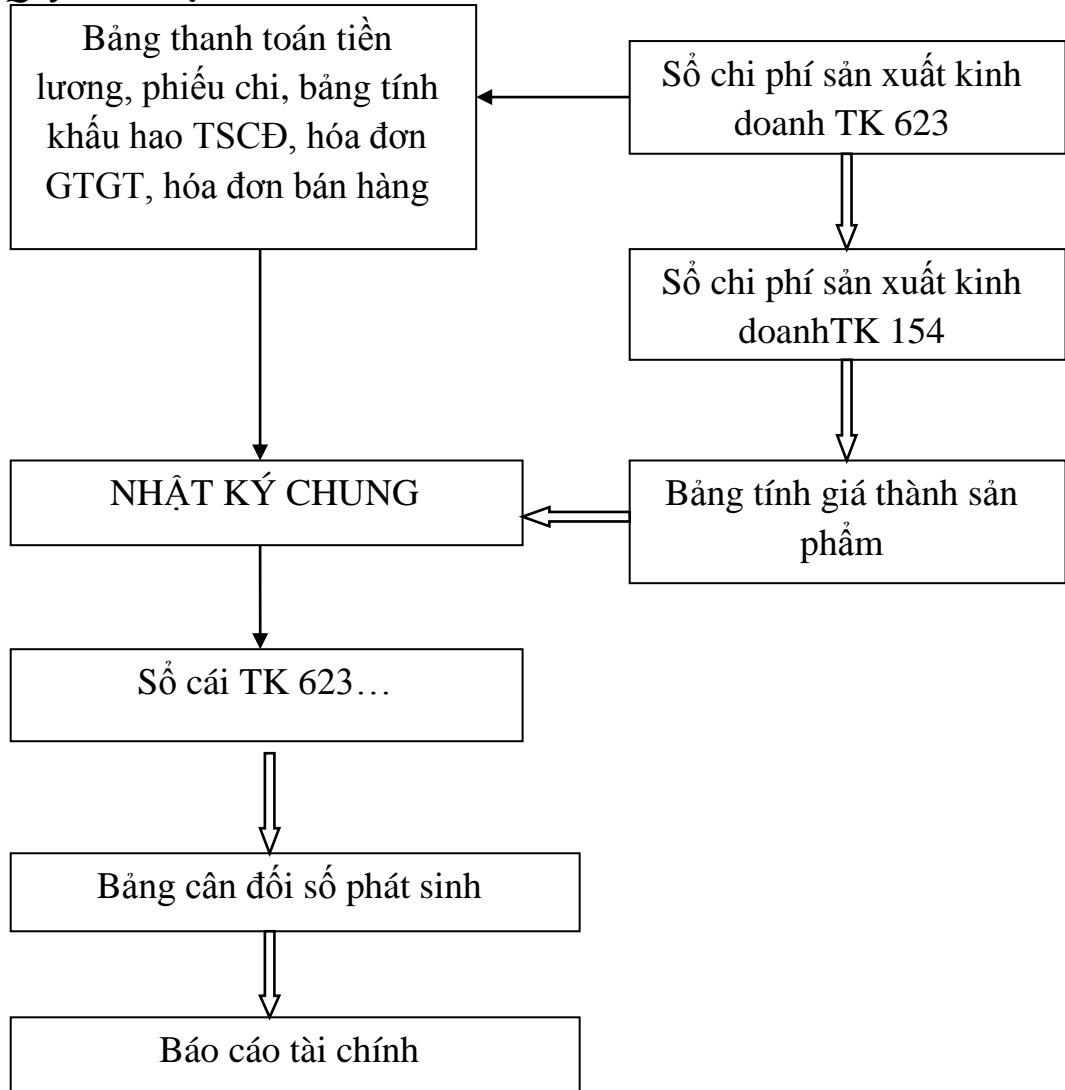
*Quá trình hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:*

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng máy thi công cho công trình, đội trưởng đội thi công tiến hành ký kết hợp đồng thuê máy thi công. Sau khi hợp đồng được ký kết công ty được thuê máy thi công tiến hành thi công theo hợp đồng. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

Kế toán công trình căn cứ vào các hóa đơn GTGT để vào bảng tổng hợp hóa đơn thuê máy thi công.

Bảng tổng hợp hóa đơn thuê máy thi công cùng các chứng từ gốc sẽ được chuyển lên phòng kế toán của công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ để vào sổ sách sử dụng theo đúng quy định.

**Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối kỳ
- ↔ : Đối chiếu

*-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán do các kế toán công trình chuyển lên có kèm theo bảng kê kế toán công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 623, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 623, 141...*

*-Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết TK 623 lập sổ chi tiết TK 154. Từ sổ chi tiết TK154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung.*

***Ví dụ: về tập hợp chi phí sử dụng máy thi công***

Chi phí sử dụng máy thi công phục vụ cho thi công công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp” được công ty thuê toàn bộ bên ngoài. Khi thi công công trình, đơn vị cho thuê máy cuối tháng viết hóa đơn GTGT cho công ty số 73245 (biểu 2.13).

Ngày 31/05/2011 kế toán công trình về thanh toán chi phí sử dụng máy thi công với công ty. Theo bảng tổng hợp hóa đơn thuê máy và các chứng từ như hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ thanh toán tiền tạm ứng thuê máy thi công công trình.

Căn cứ vào chứng từ trên, kế toán công ty vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 623 : 6.320.000

Nợ TK 133 : 632.000

Có TK 141 : 6.952.000

**Biểu 2.13**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

**BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN THUÊ MÁY THI CÔNG**

Công trình: “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”

Từ ngày 01/05/2011 đến ngày 31/05/2011

**Số 56/05**

<i>STT</i>	<i>NGÀY THÁNG</i>	<i>SỐ HĐ</i>	<i>NỘI DUNG CHI</i>	<i>GIÁ CHƯA THUẾ</i>	<i>THUẾ</i>	<i>THÀNH TIỀN</i>
1	30/05/11	73245	Thuê máy	6.320.000	632.000	6.952.000
<b>TỔNG</b>				<b>6.320.000</b>	<b>632.000</b>	<b>6.952.000</b>

*Bảng chữ: Sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.*

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 05 năm 2011*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Phụ trách đội thi công**

**Người lập**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu 2.14**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT-3LL

**KY/11B**

Liên 2:Giao khách hàng

**0073245**

Ngày 30 tháng 05 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Cơ khí Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh

Địa chỉ: Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS:

0	9	0	0	2	3	8	7	8	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Đội thi công số 3.....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng

Địa chỉ: Số 1 – Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – HP.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM..... MS:

0	2	0	0	5	9	9	3	6	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
	Thuê máy				6.320.000
Cộng tiền hàng:					6.320.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					632.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.952.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn.					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.15**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03a-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/05	BK55/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng mua NVLTT cho công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	621 133 141	77.027.048 7.702.685	84.729.733
31/05	BK56/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cuốn & TM Hưng Thịnh	623 133 141	6.320.000 632.000	6.952.000
31/05	BK57/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cuốn & TM Hưng Thịnh	627 133 141	14.093.198 21.317	14.114.515
31/05	BK58/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng công nhân CT “Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	622 141	28.080.000	28.080.000
			....			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển chi phí CT“Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	154	228.545.472	
			Chi phí NVL trực tiếp	621		123.495.717
			Chi phí NC trực tiếp	622		50.084.906
			Chi phí sử dụng MTC	623		16.646.100
			Chi phí sản xuất chung	627		38.318.749
03/07	BTGTQ2	03/07	Giá thành CT“Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	632 154	228.545.472	228.545.472
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>88.457.446.283</b>	<b>88.457.446.283</b>

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.16**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S36-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CHI TIẾT**

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Tên công trình: “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/05	BK40/4	29/04	CP máy thi công trả cho cty Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	141	3.110.600	
31/05	BK56/5	31/05	<b>CP máy thi công trả cho cty Tàu cuốc &amp; TM Hưng Thịnh</b>	<b>141</b>	<b>6.320.000</b>	
02/07	BK43/6	30/06	CP máy thi công trả cho cty Tàu cuốc & TM Hưng Thịnh	141	4.215.500	
03/07	PKT84/6	30/06	Kết chuyển CT nhà dán film	154		16.646.100
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>16.646.100</b>	<b>16.646.100</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.17**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S03b-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/05	BK40/4	29/04	CP máy thi công trả cho cty Tàu cước & TM Hưng Thịnh	141	3.110.600	
<b>31/05</b>	<b>BK56/5</b>	<b>31/05</b>	<b>CP máy thi công trả cho cty Tàu cước &amp; TM Hưng Thịnh</b>	<b>141</b>	<b>6.320.000</b>	
02/07	BK43/6	30/06	CP máy thi công trả cho cty Tàu cước & TM Hưng Thịnh	141	4.215.500	
03/07	PKT21/6	30/06	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công Q2	154		886.554.564
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>886.554.564</b>	<b>886.554.564</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

#### 2.3.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng bao gồm:

- + Lương nhân viên quản lý đội, phân xưởng, các khoản trích theo lương.
- + Các chi phí vật liệu dùng cho quản lý
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Các khoản chi phí khác bằng tiền phục vụ sản xuất sản phẩm xây lắp.

Các chi phí phát sinh trực tiếp tại công trình được tập hợp vào chi phí sản xuất chung của công trình đó, các chi phí phát sinh tại các đội thi công được tập hợp và phân bổ cho các công trình mà các đội thi công đang thi công.

Các chi phí phát sinh trực tiếp tại công trình đó là chi phí tiền lương của Ban chỉ huy công trường, các chi phí khác trực tiếp đầu tư cho công trình.

*Quá trình hạch toán chi phí sản xuất chung được diễn ra như sau:*

Hàng tháng, kế toán căn cứ bảng chấm công để tính lương cho ban chỉ huy công trình.

Căn cứ vào các chứng từ ban đầu phát sinh trực tiếp tại công trình như bảng thanh toán lương ban chỉ huy công trường, các hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng...kế toán tập hợp.

#### ***Ví dụ: về tập hợp chi phí sản xuất chung***

Ngày 31/05/2011 kế toán công trình “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp” về làm thủ tục thanh toán tiền chi phí sản xuất chung phát sinh tại công trình. Kế toán công ty kiểm tra bộ chứng từ bao gồm: bảng kê chi phí phát sinh tại công trình (biểu 2.18) và các hóa đơn chứng từ kèm theo.

Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của bộ chứng từ, làm thủ tục thanh toán tiền tạm ứng phục vụ thi công công trình “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”, căn cứ vào chứng từ kế toán ghi sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 627 :14.093.198

Nợ TK 133 : 21.317

Có TK 141:14.114.515

Từ bút toán trên kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu 2.19), đồng thời ghi vào sổ cái tài khoản 627 (biểu 2.20) theo dõi cho công trình “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ Cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết cuối kỳ lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều công trình còn được công ty tập hợp và cuối quý tiến hành phân bổ cho từng công trình trong đó có công trình Nhà dán film cách nhiệt cao cấp.

Tại công ty, chi phí sản xuất chung được Công ty phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

$$\frac{\text{Tổng chi phí SXC thực tế cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của đối tượng}} \times \text{Tiêu thức phân bổ cho đối tượng đó}$$

Khi đó: Chi phí sản xuất chung phân bổ cho Nhà dán film cách nhiệt cao cấp quý 2/2011 là:

$$\begin{aligned} \text{CPSXC phân bổ công trình} &= \frac{389.345.776}{3.265.245.265} \times 123.495.717 \\ &= 14.725.551 \end{aligned}$$

Tổng chi phí sản xuất chung tập hợp được liên quan đến Công trình Nhà cách nhiệt cao cấp tập hợp được trong quý 2 là: **38.318.749** đồng.

**Biểu 2.18**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG  
PHÁT SINH TẠI CÔNG TRÌNH**

Tháng 05 năm 2011

Công trình: *Nhà dán film cách nhiệt cao cấp*

Số: 57/5

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền ( bao gồm VAT)	VAT
SH	NT			
		1.CP nhân viên quản lý đội		
BL05	31/05	-Lương BPQL T05	5.848.499	
BL05	31/05	-Lương bảo vệ & thủ kho T05	4.000.000	
		.....		
		3.CP CCDC		
BKBL	7/05	- Đèn sạc acquy	68.000	
BKBL	7/05	- Cốc, chén	95.000	
HĐ4157	7/05	- Ghế	125.000	
		.....		
		5.CP khác		
BKBL	18/05	-Photo HD lao động	53.000	
BKBL	18/05	-Photo báo cáo	75.000	
		<b>TỔNG</b>	<b>14.114.515</b>	<b>21.317</b>

*Bảng chữ: Mười bốn triệu một trăm mười bốn nghìn năm trăm mười năm đồng chẵn.*

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 05 năm 2011*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Phụ trách đội thi công**

**Người lập**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.19**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Mẫu số S03a-DN**

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/05	BK55/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng mua NVLTT cho công trình “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	621 133 141	77.027.048 7.702.685	84.729.733
31/05	BK56/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cước & TM Hưng Thịnh	623 133 141	6.320.000 632.000	6.952.000
31/05	BK57/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng trả cho cty CP Tàu cước & TM Hưng Thịnh	627 133 141	14.093.198 21.317	14.114.515
31/05	BK58/5	31/05	Thanh toán tiền tạm ứng công nhân CT “Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	622 141	28.080.000	28.080.000
			....			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển chi phí CT “Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	154	228.545.472	
			Chi phí NVL trực tiếp	621		123.495.717
			Chi phí NC trực tiếp	622		50.084.906
			Chi phí sử dụng MTC	623		16.646.100
			Chi phí sản xuất chung	627		38.318.749
03/07	BTGTQ2	03/07	Giá thành CT “Nhà dân film cách nhiệt cao cấp”	632 154	228.545.472	228.545.472
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>88.457.446.283</b>	<b>88.457.446.283</b>

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.20**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S03b-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
02/05	BK41/4	29/04	Chi phí SXC công trình sửa chữa đường kè 315	141	213.345.387	
			...			
<b>31/05</b>	<b>BK57/05</b>	<b>31/05</b>	<b>Chi phí SXC công trình “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”</b>	<b>141</b>	<b>14.093.198</b>	
			...			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển chi phí SXC công trình “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”Q2	154		38.318.749
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.116.426.721</b>	<b>1.116.426.721</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S36-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CHI TIẾT PHÁT SINH TẠI CÔNG TY

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
29/04	BL04	16/04	Chi phí nhân viên QL đội	334	38.848.499	
			...			
02/06	PB142	31/05	Chi phí CCDC	142	7.500.545	
			..			
05/06	PC17/6	05/06	Chi phí bằng tiền khác	141	30.904.658	
			...			
<b>30/06</b>	<b>PB</b>	<b>30/06</b>	<b>Phân bổ cho CT: Nhà dân film cách nhiệt</b>	<b>154</b>		<b>14.725.551</b>
			Phân bổ cho công trình đường kè	154		126.446.823
			Phân bổ cho CT nhà văn hóa	154		33.636.336
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>389.345.776</b>	<b>389.345.776</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

### 2.3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

#### 2.3.4.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chi phí so sánh, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán để kiểm tra độ chính xác sau đó tiến hành tập hợp chi phí thực tế phát sinh.

#### Biểu 2.21

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

#### **BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**

Công trình: “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp ”

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	SỐ TIỀN
1.	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	123.495.717
2.	Chi phí nhân công trực tiếp	50.084.906
3.	Chi phí sử dụng máy thi công	16.646.100
4.	Chi phí sản xuất chung	38.318.749
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>228.545.472</b>

Hải Phòng, ngày...tháng...năm 2011

**GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGƯỜI LẬP**

#### 2.3.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Để phù hợp với đặc điểm của công ty công ty tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang như sau:

- Với những công trình thi công đã hoàn thành trong quý thì công ty không đánh giá sản phẩm dở dang mà công ty tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

- Với những Công trình kéo dài, chưa hoàn thành trong quý thì toàn bộ chi phí tập hợp được chính là giá trị sản phẩm dở dang cuối quý đó.

Sản phẩm làm dở tại các đội thi công chính là các công trình, hạng mục công trình mà đến cuối kỳ hạch toán vẫn còn trong giai đoạn thi công chưa hoàn

thành bàn giao. Mục đích nhằm xác định khối lượng đã làm được so với chi phí sản xuất thực tế bỏ ra có phù hợp hay không, chi phí bỏ ra vượt so với khối lượng thừa hay khối lượng lớn hơn chi phí để từ đó có những biện pháp xử lý.

Đến cuối kỳ hạch toán các cán bộ kỹ thuật, đội trưởng đội thi công có nhiệm vụ xác định khối lượng dở dang của từng công trình trên cơ sở căn cứ vào nhật ký thi công, điểm dừng kỹ thuật, bản vẽ thi công để từ đó tính toán ra số lượng đã thi công, đó chính là khối lượng thi công dở dang ( như căn cứ vào khối lượng đó và dựa vào định mức để xác định mức tiêu hao của từng loại vật liệu đã cấu tạo nên thực thể của công trình) . Bộ phận kế toán khi nhận được bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ từ phòng kỹ thuật gửi sang sẽ tiến hành xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán.

#### **2.3.4.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty**

Thời điểm tính giá thành thực tế thường là khi kết thúc sản phẩm, công trình, hạng mục công trình, có thể là điểm dừng kỹ thuật của công việc xây lắp.

Khi công trình hoàn thành, bàn giao thì đại diện của đội thi công, đại diện của công ty cùng đại diện của bên chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết giữa công ty và chủ đầu tư. Sau đó lập biên bản nghiệm thu công trình.

Khi có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sản xuất vào trị giá vốn của công trình.

Nợ TK632 – Giá vốn hàng bán

Có TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đối với công trình Nhà dán film cách nhiệt cao cấp được thi công và hoàn thành trong quý 2 năm 20011 và không có dở dang cuối kỳ. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình đã xác nhận của 2 bên kế toán toán kết chuyển chi phí sản xuất vào trị giá vốn công trình là:

Nợ TK 632 : 228.545.472

Có TK 154: 228.545.472

**Biểu 2.22**

**Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng**

**Đội thi công số 3**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH TOÀN CÔNG TY**

Từ ngày 01/04/2011 đến 30/06/2011

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>DD đầu kỳ</b>	<b>Chi phí phát sinh</b>	<b>DD cuối kỳ</b>	<b>Tổng giá thành sản phẩm</b>
1	Nhà dán film cách nhiệt		<b>228.545.472</b>		<b>228.545.472</b>
2	Sửa chữa đường kè 315	1.421.726.312	2.472.531.344	442.857.142	<b>3.451.400.514</b>
3	Tường rào nhà văn hóa xã Xuân Phương		75.734.871		75.734.871
4	Công trình Nhà thể dục	111.426.720	1.426.748.250	345.679.121	1.192.495.849
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.342.582.398</b>	<b>7.420.582.875</b>	<b>2.413.253.773</b>	<b>10.349.911.500</b>

Hải Phòng, ngày...tháng...năm 2011

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.23**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S03b-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b><u>5.342.582.398</u></b>	
			....			
03/06	PKT80/6	31/05	Kết chuyển CPSX CT sửa chữa đường kè 315	621	913.721.426	
			....			
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển CPSXDD CT “Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	621	123.495.717	
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển CPSXDD CT “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	623	16.646.100	
03/07	PKT81/6	30/06	Kết chuyển CPSXDD CT tường rào nhà văn hóa xã Xuân Phương	622	18.359.048	
03/07	BTGTQ2	30/06	Kết chuyển giá vốn CT “ Nhà dán film cách nhiệt cao cấp”	632		228.545.472
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b><u>7.420.582.875</u></b>	<b>10.349.911.500</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>		<b><u>2.413.253.773</u></b>	

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu 2.24**

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Mẫu số S36-DN

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

### **SỐ CHI TIẾT**

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Công trình: “ Nhà dân film cách nhiệt cao cấp ”

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.u	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
03/07	PKT81/6	30/06	Chi phí NVL trực tiếp	621	123.495.717	
03/07	PKT81/6	30/06	Chi phí nhân công trực tiếp	622	50.084.906	
03/07	PKT81/6	30/06	Chi phí sử dụng MTC	623	16.646.100	
03/07	PKT81/6	30/06	Chi phí sản xuất chung	627	38.318.749	
03/07	BTGTQ2	30/06	Giá thành công trình	632		<b>228.545.472</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>228.545.472</b>	<b>228.545.472</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>			

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

### CHƯƠNG III

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG.

### 3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG.

Cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế, các doanh nghiệp xây lắp nói chung và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng nói riêng đã phải vượt qua những khó khăn ban đầu. Trong những năm đầu doanh thu từ hoạt động xây lắp của công ty mang lại chiếm tỷ trọng nhỏ. Nhưng khi cơ chế kinh tế thay đổi, hoạt động xây dựng cơ bản của công ty đã mang lại doanh thu lớn. Các đơn vị trực thuộc công ty đã năng động, với đội ngũ đông đảo với các kỹ sư và công nhân lành nghề đã thi công và hoàn thiện nhiều hạng mục công trình quan trọng, đã thiết lập nên uy tín và thu hút được nhiều nhà chỉ định thầu.

Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng hoạt động với tinh thần mới mẻ cả về phương pháp hạch toán kế toán lẫn chế độ kế toán đang áp dụng. Với xu hướng đó, một đóng góp không nhỏ là công tác kế toán, công tác cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định đã góp phần vào thông tin kịp thời cho lãnh đạo có hướng đi đúng.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng nói riêng, đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty như sau:



### 3.1.1. Những ưu điểm

#### • Về công tác quản lý của Công ty

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc một cách có hiệu quả, giúp cho lãnh đạo Công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kế toán khoa học, hợp lý và có hiệu quả phù hợp với tính chất, đặc điểm của ngành xây lắp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, quản lý công nghệ, ký kết nhiều hợp đồng và thi công nhiều công trình lớn. Công ty luôn tìm tòi và khảo nghiệm cải tiến hợp lý hóa sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng công trình và ngày càng khẳng định uy tín trong lĩnh vực xây lắp. Để có được những thành tựu như hôm nay thì không thể không kể đến những nỗ lực, cố gắng đội ngũ cán bộ công nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới và cùng xây dựng Công ty vững mạnh hơn.

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế công nghiệp, nhu cầu về lĩnh vực xây dựng cơ bản là một nhu cầu quan trọng và luôn đi đôi với sự phát triển của đất nước. Nhận thức đúng đắn đường lối, chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo quy luật của thị trường, Công ty đã vượt qua những khó khăn thử thách và không ngừng phấn đấu đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được cải thiện.

#### • Về tổ chức bộ máy kế toán

Với bộ máy kế toán gọn nhẹ, quy trình kế toán hợp lý và đội ngũ kế toán có chuyên môn cao... hình thức kế toán kiêm nhiệm đã tạo điều kiện cho việc nâng cao chuyên môn và khả năng tổng hợp của kế toán. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một hay một số phần hành kế toán nhất định nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, thống nhất và tập trung của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra, giám sát tình

hình thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên kế toán khác, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm chung trước những sai sót xảy ra trong hạch toán kế toán. Như vậy, công tác kế toán của Công ty sẽ giảm thiểu tối đa những sai sót do nhầm lẫn hoặc gian lận gây nên, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các bộ phận.

Về tổ chức công tác kế toán, nhìn chung chúng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ. Cách thức hạch toán của Công ty nói chung khá hữu hiệu, phù hợp với chế độ kế toán.

Trong Công ty có sự phân chia công việc và phối hợp công việc giữa các nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán tại các đội thi công đã góp phần giảm khối lượng công việc, đặc biệt có hiệu quả trong việc kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

### • Về hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ dễ theo dõi. Dựa trên những đặc điểm riêng của Công ty, quy mô và địa bàn hoạt động rộng cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### • Về tổ chức hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị xây lắp. Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung cho các đội thi công nên tạo được sự chủ động tích cực và có trách nhiệm trong công việc. Mô hình tổ chức sản xuất này rất phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất của một công ty xây lắp – có địa điểm thi công phân tán, do đó mà kế toán công ty không thể theo

dồi đầy đủ chi phí phát sinh của nhiều công trình.

Đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm đúng đắn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành sản phẩm không xác định là tháng hoặc quý như các doanh nghiệp khác mà theo thời gian hoàn thành các công trình là phù hợp với thực tế của Công ty.

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất, chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

**- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm nguồn hàng, ký kết hợp đồng mua rồi vận chuyển đến tận công trình, còn lại đội thi công chủ động mua tùy theo yêu cầu thực tế của công trình. Như vậy Công ty tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản vật liệu, chi phí vận chuyển từ kho đến công trình. Điều này phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, bởi vì công trình thi công thường xa so với hệ thống kho bãi, nhu cầu nguyên vật liệu cho từng công trình khác nhau thì lại rất khác nhau. Đồng thời, sự phát triển nhanh về vật liệu mới trong xây dựng, việc dự trữ vật liệu sẽ không hiệu quả, có khi lại gây ra sự không đồng bộ dẫn đến ứ đọng vốn, tăng chi phí bảo quản.

**- Đối với chi phí nhân công trực tiếp**

Công ty sử dụng hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho lao động tại địa phương nơi thi công công trình mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác cho người lao động. Đây là một hình thức quản lý hợp lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vốn và hạ giá thành sản phẩm. Phương pháp khoán trong xây dựng cơ bản tạo điều kiện gắn lợi ích của người lao động với chất lượng và tiến độ thi công, xác định rõ trách nhiệm vật chất với từng cá nhân trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo và khả năng hiện có của Công ty.

**- Đối với chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất phát sinh tại công trình nào thì tính trực tiếp cho công trình đó, các chi phí phát sinh tại các đội thi công được tập hợp và phân bổ cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp để quyết toán và ghi sổ.

Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã có ảnh hưởng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm xây lắp. Điều này làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

**3.1.2. Những nhược điểm**

**- Thứ nhất: Về công tác hạch toán**

Tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, công tác hạch toán kế toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một phần hành kế toán nào. Chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở Công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra các số liệu kế toán – tài chính cũng khó khăn hơn.

**Thứ hai: Về công tác quản lý.**

Việc tổ chức quản lý chưa được chặt chẽ, toàn diện, vì thế giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Việc khoán sản phẩm đi đôi với khoán nguyên vật liệu, giờ công là khá hiệu quả. Tuy nhiên vẫn có kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do đội thi công tự mua theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên vật liệu này có thể làm cho hoặc giá thành sản phẩm là có phần cao hơn hoặc chất lượng chưa được đảm bảo...nếu như các đội thi công không có được nguồn cung cấp với giá hợp lý hoặc mua nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng.

Việc phản ánh chi phí phát sinh của công trình thi công là không kịp thời do các đội thi công chuyển chứng từ hoàn chi phí lên không được đầy đủ. Điều này ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí.

**Thứ ba: Về công tác kế toán tại Công ty**

**- Công tác luân chuyển chứng từ**

Công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị thực thuộc phòng tài chính – kế toán của Công ty vẫn còn sự chậm trễ. Thông thường, các chứng từ phát sinh sẽ được kế toán đơn vị tập hợp và chỉ đến cuối tháng hoặc cuối quý mới được chuyển về phòng tài chính – kế toán để vào sổ, như vậy có nhiều chứng từ phát sinh trong tháng này, kỳ này nhưng phải đến tháng sau, kỳ sau mới được gửi lên. Chính sự chậm trễ này đã làm cho các công việc kế toán của văn phòng kế toán Công ty không hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn và động bộ vì khối lượng công việc quá lớn.

**Thứ tư: Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho các đội thi công, điều đó có thể tạo cho các đội thi công kê khai chi phí không chính xác. Một thực trạng thường thấy ở các đội thi công là họ kê khai chi phí lớn hơn hoặc bằng với mức giao khoán để hưởng lợi. Có thể xảy ra tình trạng đội thi công ghi tăng chi phí nhân công trực tiếp vì chứng từ để hạch toán chi phí này là hợp đồng thuê khoán nhân công và biên bản thanh lý hợp đồng lao động.

**- Đối với chi phí nhân công trực tiếp**

Việc lấy thông tin từ chứng từ ban đầu để ghi sổ kế toán làm cho việc đối chiếu, kiểm tra thông tin kế toán trở nên khó khăn, phức tạp. Như vậy, việc tập hợp chi phí nhân công trực tiếp đối với các công trình có chi phí nhân công thuê ngoài hoàn toàn thì việc hạch toán rất đơn giản nhưng đối với các công trình sử dụng cả nhân công thuộc biên chế của Công ty và nhân công trực tiếp theo hợp đồng thì việc phân bổ, kiểm tra sẽ khó khăn, phức tạp hơn.

**- Đối với chi phí sản xuất chung**

Kế toán đội thi công chưa tách rõ được các khoản trong chi phí sản xuất chung, mà tập hợp chung lại thành hai loại là chi phí sản xuất chung phát sinh trực tiếp tại công trình và chi phí sản xuất chung của toàn đội thi công phân bổ cho các công trình. Hạch toán như vậy sẽ khó cho việc kế toán công ty kiểm tra,

đối chiếu, thường xảy ra tình trạng khai tăng chi phí

**Thứ năm: về vấn đề tiền lương :** Công ty chưa tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng quy định đối với nhân viên quản lý đội. Do vậy không tạo điều kiện khuyến khích người lao động làm việc lâu dài với công ty và cũng không phù hợp với quy định kế toán hiện hành.

**- Thứ sáu: Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Là doanh nghiệp xây lắp, Công ty sử dụng một khối lượng máy móc, thiết bị có giá trị lớn. Trong quá trình sử dụng máy móc, thiết bị cần phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của doanh nghiệp phát sinh tháng nào thì hạch toán vào tháng đó làm cho chi phí sửa chữa giữa các tháng không đồng đều, ảnh hưởng đến độ chính xác giá thành sản phẩm. Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dẫn đến chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh vào một kỳ. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch về vốn cũng như tập hợp chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn gặp phải khó khăn.

### **3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG.**

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng còn có những hạn chế nhất định cần hoàn thiện. Phương hướng chung để hoàn thiện công tác quản lý nói chung cũng như hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng là tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có, tìm biện pháp khắc phục những tồn tại, đảm bảo hạch toán đúng chế độ kế toán quy định và đáp ứng nhu cầu quản trị trong doanh nghiệp.

### ***3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty***

Mục tiêu của bất cứ doanh nghiệp nào cũng là lợi nhuận mà muốn thu được lợi nhuận cao thì có rất nhiều cách nhưng con đường cơ bản lâu dài là phải hạ thấp giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải hạ thấp chi phí tức là sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất máy móc, thiết bị và không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin về chi phí, giá thành sản phẩm xây lắp phục vụ cho việc xác định giá thành sản phẩm xây lắp, lợi nhuận.

Yêu cầu của công tác quản lý nói chung, công tác quản lý sản xuất nói riêng đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, trung thực về mặt hao phí của từng loại chi phí mà cả về mặt tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc về đánh giá và phản ánh đúng giá trị thực tế của chi phí ở thời điểm phát sinh chi phí. Kế toán chính xác chi phí đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép, tính toán và phản ánh từng loại chi phí theo đúng địa điểm phát sinh chi phí và theo đúng đối tượng chịu chi phí.

Bên cạnh đó, chúng ta biết giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn sử dụng chỉ tiêu giá thành sản phẩm vào quản lý, cần thiết phải tổ chức tính đúng, tính đủ giá thành của các loại sản phẩm mà doanh nghiệp làm ra. Tính đúng là tính chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất sản phẩm. Muốn vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu kế toán tập hợp chi phí một cách chính xác. Tính đủ là tính toán đầy đủ mọi hao phí đã bỏ ra trên cơ sở hạch toán kinh doanh để tính

đủ đầu vào theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi loại bỏ những chi phí không liên quan, cần thiết đến việc sản xuất sản phẩm như : những khoản chi lãng phí không hợp lý, những khoản thiệt hại không được quy trách nhiệm đầy đủ...

Chi phí và giá thành là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của doanh nghiệp. Vì vậy, việc xác định đúng đủ chi phí, giá thành có ý nghĩa vô cùng to lớn giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn để đạt hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn cần được xem xét và đổi mới để phù hợp với điều kiện của Công ty, tìm ra những phương hướng hiệu quả hơn đối với việc xây dựng công cụ tính giá thành đảm bảo mục tiêu tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Để đạt được điều này, Công ty cần có các biện pháp như: tận dụng tối đa công suất làm việc của máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động... Tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định tối ưu. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

### ***3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí, giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.***

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và qui mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.



Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những qui định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, xuất phát từ thực tế công ty và lý luận được nghiên cứu em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến về phương pháp hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty như sau:

### ***3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng.***

#### ***Kiến nghị thứ 1 : Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán***

Hiện nay công ty đang áp dụng mô hình kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Do đó công việc của phòng kế toán công ty rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, số nghiệp vụ phát sinh ngày càng nhiều. Do đó bộ máy kế toán của công ty rất vất vả trong công việc hạch toán chi phí nhất là vào lúc tổng hợp cuối kỳ. Ngoài ra tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Công việc kế toán chi

phí và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng, cuối quý nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Việc tính toán tổng hợp số liệu chủ yếu do kế toán tổng hợp thực hiện nên nhiều khi bị quá tải, nhầm lẫn. Đây là một hạn chế lớn trong tổ chức kế toán vì trong điều kiện kỹ thuật phát triển như hiện nay việc áp dụng phần mềm kế toán máy vi tính trong kế toán cho phép xử lý tổng hợp chứng từ một cách thuận tiện an toàn và hiệu quả nhất.

Bởi vậy, Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Công ty cần trang bị phần mềm kế toán máy để giảm bớt khối lượng công việc. Việc tổ chức kế toán máy giúp cho việc thu nhận tính toán xử lý, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng kịp thời đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của các đối tượng sử dụng thông tin giúp công tác lưu trữ bảo mật tài liệu xử lý thông tin một cách hiệu quả và an toàn. Việc áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán sẽ làm giảm rất nhiều công việc, công sức cho nhân viên kế toán trong công ty. Tuy nhiên việc sử dụng máy vi tính để làm kế toán máy không phải là đơn giản. Công ty nên cử cán bộ đi tập huấn sử dụng phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam .
- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST

Việt Nam.

Khi sử dụng phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết

kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

**Kiến nghị thứ 2: Về công tác quản lý chi phí**

- Công ty cần tổ chức quản lý chi phí chặt chẽ, toàn diện. Kế toán cần quản lý trên cơ sở xây dựng khung giá hợp lý đối với từng loại chi phí cho toàn công ty trong từng thời kỳ, nắm chắc giá cả thị trường để đối chiếu, kiểm tra hóa đơn, chứng từ do đội thi công chuyển lên.

- Xây dựng chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với các cán bộ nhân viên quản lý công ty. Xây dựng cơ chế quản lý và phân phối quỹ phúc lợi tiền lương và thu nhập cho người lao động một cách công bằng và hợp lý. Đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty là rất quan trọng, quyết định sự thành bại trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, phải thường xuyên nâng cao trình độ cho cán bộ nhân viên, cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ bằng cách cử cán bộ đi học nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn.

**Kiến nghị thứ 3: Về công tác luân chuyển chứng từ**

Công ty nên quy định rõ về kỳ luân chuyển chứng từ và có biện pháp đơn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất đó là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của công ty là công ty tiến hành cho các đội tạm ứng tiền để tự lo nguyên vật liệu, nhân công thuê ngoài...cho nên để khắc phục những chậm trễ trong việc luân chuyển chứng từ công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định các đơn vị phải nộp đầy đủ chứng từ lần này mới được cho tạm ứng tiếp

**Kiến nghị thứ 4: Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Việc giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho đội thi công làm cho công ty không giám sát chặt chẽ được quá trình phát sinh chi phí. Công ty chỉ nên giao khoán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung cho đội thi công

**- Đối với chi phí nhân công trực tiếp**

Với những công trình thi công mà nhân công bao gồm cả công nhân thuộc

biên chế công ty hoặc những công nhân sản xuất theo hợp đồng thì khi tập hợp chi phí nhân công kế toán nên lập bảng kê chi phí nhân công theo các chỉ tiêu được phân loại rõ ràng.

- ***Đối với chi phí sản xuất chung***

Theo dõi một cách chính xác, kế toán đội thi công nên hạch toán rõ ràng các khoản trong chi phí sản xuất chung. Kế toán cần lập bảng tổng hợp chi tiết và bảng phân bổ các tài khoản: TK 627.1, TK 627.2, TK 627.4, TK 627.7, TK 627.8.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP tư vấn ĐT&XD Bạch Đằng

Số 1 - Lê Thánh Tông - Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CHI TIẾT PHÁT SINH TẠI CÔNG TY

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.ư	Số tiền	Số tiền		
	SH	NT				6271	....	6278
			Số dư đầu kỳ					
29/04	BL04	16/04	Chi phí nhân viên QL đội	334	38.848.499	38.848.499		
			....					
02/06	PB142	31/05	Chi phí CCDC	142	7.500.454			
			...					
05/06	PC17/6	05/06	Chi phí bằng tiền khác	141	30.904.658			30.904.658
			....					
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>389.345.776</b>	<b>164.552.041</b>		<b>126.186.135</b>
			<b>Dư cuối kỳ</b>					

Ngày...tháng...năm 2011

**Người lập sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**- Công tác tính giá thành sản phẩm**

Để tiện theo dõi tình hình thực hiện các công trình xây lắp, công ty nên mở thẻ chi tiết giá thành, đồng thời tính cả tỷ trọng các khoản mục chi phí sản xuất liên quan đến thi công công trình, so sánh với dự toán nhằm kiểm soát kịp thời từng loại chi phí, tránh tình trạng chi vượt dự toán sau này, đảm bảo lợi nhuận của công ty được chính xác.

**THẺ CHI TIẾT GIÁ THÀNH**

Tháng...năm

Công trình: ....

Đơn vị tính:...

Mã	Công trình	CPDD đầu kỳ	Chi phí sản xuất thực tế					CPDD cuối kỳ	Zsp thực tế
			NVLTT	NCTT	MTC	SXC	Tổng		
	.....								
	<b>Cộng</b>								

***Kiến nghị thứ 5: Vấn đề tiền lương***

Tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, công ty ký hợp đồng lao động đối với công nhân trực tiếp thi công theo từng tháng, nên công ty không tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ nhưng đối với nhân viên quản lý đội thi công công ty nên trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo đúng chuẩn mục kế toán hiện hành. Cụ thể:

- Theo chế độ hiện hành, các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được hình thành 1 phần do người lao động đóng góp và 1 phần do người sử dụng lao động

*Tỷ lệ trích nộp trên quỹ lương:*

BHXH: 24% trên quỹ tiền lương, tiền công đóng BHXH, trong đó người lao động đóng góp 7% và người sử dụng lao động đóng góp 17%.

BHYT: 4,5% mức tiền lương, tiền công đóng BHYT, trong đó người sử dụng lao động đóng góp 3% và người lao động đóng góp 1,5%.

BHTN: 2%, trong đó người lao động chịu 1% và doanh nghiệp 1% tính vào chi phí.

KPCĐ: 2% trên tổng thu nhập của người lao động và toàn bộ khoản này được tính vào chi phí của doanh nghiệp.

***Kiến nghị thứ 6: Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.***

Để ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phát sinh trong kỳ, không làm chi phí tăng đột ngột ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh thì Công ty cần phải trích trước chi phí sửa chữa lớn, việc xác định mức trích chi phí sửa chữa lớn hàng tháng có thể căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn trong năm hoặc chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh vào năm trước. Đặc biệt với ngành xây dựng cơ bản thì chi phí sửa chữa lớn TSCĐ là lớn. Khi có xảy ra hỏng hóc lớn với TSCĐ thì chi phí sửa chữa lớn thường diễn ra trong thời gian dài và chiếm một tỷ trọng đáng kể so với chi phí kinh doanh của từng thời kỳ hạch toán. Vì vậy theo nguyên tắc phù hợp, chi phí sửa chữa lớn phải được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán khác nhau, để chi phí đó được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán thì công ty phải tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Để trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thì cuối mỗi năm công ty cần xem xét tình hình, khả năng hoạt động của TSCĐ hiện có, từ đó lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ cho cả năm. Dựa vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn TSCĐ trong năm, kế toán tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo tháng hoặc quý rồi phân bổ đều chi phí cho các công trình.

Vì vậy Công ty nên căn cứ vào thực trạng máy móc thiết bị, kế hoạch sản xuất để xác định trước chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ có thể phát sinh, tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất của từng tháng, đảm bảo chi phí sửa chữa TSCĐ là đồng đều giữa các tháng.

Nợ TK 627, 623, 641, 642: Sửa chữa TSCĐ thuộc bộ phận nào

thì phản ánh vào bộ phận đó.

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 334, 331

- Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định làm cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh dồn vào một kỳ làm cho doanh nghiệp không hạch toán đúng được các khoản chi phí phát sinh từ đó không tính được đúng giá thành sản phẩm. Vì vậy công ty nên tiến hành sửa chữa theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

Chi phí sửa chữa phát sinh thường là lớn nên theo quy định kế toán phải phân bổ vào chi phí kinh doanh.

a, Kế toán sửa chữa theo kế hoạch

- Hàng tháng kế toán sẽ trích một khoản chi phí sẽ phải trả. Đó chính là chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch

Nợ TK 623, 627, 641, 642

Có TK 335: Số theo kế hoạch.

- Khi tiến hành sửa chữa TSCĐ thì toàn bộ chi phí thực tế phát sinh kế toán ghi

Nợ TK 2413: Số thực tế phát sinh

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331.

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán quyết toán và số tiền theo kế hoạch và số tiền thực tế phát sinh.

+ Nếu số kế hoạch lớn hơn số thực tế

Nợ TK 335: Số kế hoạch

Có TK 2413: Số thực tế phát sinh

Có TK 623, 627, 641, 642

+ Nếu số kế hoạch nhỏ hơn số thực tế phát sinh

Nợ TK 335

Nợ TK 623, 627, 641, 642

Có TK 2413

+ Nếu số thực tế bằng số kế hoạch

Nợ TK 335

Có TK 2413



b, Kế toán ngoài kế hoạch

- Khi tiến hành sửa chữa, kế toán phản ánh chi phí thực tế phát sinh

Nợ TK 2413: Số thực tế

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán kế chuyển để phân bổ dần

Nợ TK 242,142

Có TK 2413: Số thực tế.

- Hàng tháng kế toán phân bổ dần 1 khoảng chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 623, 627, 641, 642

Có TK 242, 142.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến trình phát triển của đất nước, cơ chế nhà nước được đổi mới với những chính sách mở cửa đã mang lại những cơ hội cũng như những thách thức cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn tìm tòi sáng tạo, hoàn thiện phương thức sản xuất kinh doanh bằng một hệ thống công cụ quản lý kinh tế nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Một trong những mục tiêu đó là tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy việc hiểu và phân tích một cách chính xác, đầy đủ tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là một trong những nội dung quan trọng, thiết yếu giúp đưa ra những giải pháp hoàn thiện gắn liền với việc đánh giá và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng, em thấy công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung tại Công ty đã được thực hiện tốt từ việc phân tích thị trường nhằm đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, đến việc phân tích các báo cáo tài chính trong Công ty. Về công tác tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà công ty đề ra với việc phát huy tối đa trình độ, kinh nghiệm cộng với sự sáng tạo, đồng tâm của cán bộ công nhân viên. Do đó, công tác này đã giúp cho Công ty nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang có những chuyển biến quan trọng đòi hỏi tính tự chủ, độc lập, sáng tạo rất lớn từ phía các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do còn những hạn chế nhất định nên bài luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sẽ nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô giáo, các cô chú anh chị trong phòng kế toán trong Công ty và các bạn để bài luận văn được hoàn thiện hơn, giúp em có những kiến thức và kinh nghiệm tốt trong công việc sau này.

Em xin được bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới *Ths. Nguyễn Văn Thu* cùng toàn thể thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Bạch Đằng để em có thể hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Đặng Thị Tuyết Hạnh